

Thanh Hải Vô Thượng Sư



Bí Quyết

Túc Khắc Khai Ngộ – Hiện Đời Giải Thoát

Khai Thị 2

Thanh Hải Và Chương Sư

Bí Quyết
Tức Khắc Khai Ngô
Hiện Đời Giải Thoát

Khai Thị

2

TRI ÂN

*Đ*ệ tử chúng con xin chân thành cảm tạ Thanh Hải Vô Thượng Sư, bậc Tôn Sư yêu kính, đã cho phép chúng con được thu thập những bài khai thị của Ngài từ khắp nơi trên thế giới để truyền bá Chân Lý Tối Thượng đến những người thành tâm cầu Đạo. Những lời giảng dạy vi diệu của Ngài muôn đời là ánh đuốc soi đường hướng dẫn chúng sinh tìm về Cội Nguồn Hạnh Phúc.

Kính xin Ngài nhận nơi đây tấm lòng biết ơn vô vàn của chúng con.

Thông Điệp Nhỏ

Khi nói về Thượng Đế hoặc Đấng Tối Cao, Thanh Hải Vô Thượng Sư hướng dẫn chúng ta dùng những đại từ không chỉ định giới tính để tránh việc bàn cãi Thượng Đế là Nam hay Nữ.

She + He = Hes (*như trong từ Bless*)

Her + Him = Hirm (*như trong từ Firm*)

Hers + His = Hiers (*như trong từ Dear*)

Ví dụ: Khi Thượng Đế muốn, Ngài (*Hes*) có thể làm bất cứ điều gì diễn ra theo ý của Ngài (*Hiers*) sao cho phù hợp với chính Ngài (*Hirmself*).

Là một nhà thiết kế nghệ thuật đầy sáng tạo, đồng thời là một vị Thầy tâm linh, Thanh Hải Vô Thượng Sư yêu chuộng tất cả những biểu đạt thể hiện nét đẹp nội tại. Đó là lý do Ngài gọi nước Việt Nam là “*Âu Lạc*” và Đài Loan là “*Formosa*”. Âu Lạc là quốc hiệu cổ xưa của Việt Nam, có nghĩa là “*âu ca lạc nghiệp*”. Còn Formosa có nghĩa là “*mỹ miều*”, phản ánh một cách trọn vẹn hơn về đẹp của hòn đảo này và người dân nơi đây. Thanh Hải Vô Thượng Sư cảm thấy rằng dùng những danh xưng này sẽ mang lại sự thăng hoa về tâm linh và may mắn cho đất nước cũng như người dân hai xứ sở này.

Mục Lục

• Tri Ân	iii
• Bước Đi Tình Thương: Bước Chân Của Một Vị Minh Sư Tại Thế	vii
• Lời Ngỏ	xi
01. Phật Không Phải Là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.....	1
02. Chân Sư Có Lực Lượng Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (1).....	27
03. Chân Sư Có Lực Lượng Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (2).....	41
04. Cần Nương Vào Pháp Môn Quán Âm Để Giải Thoát Vòng Sanh Tử.....	61
05. (1) Chương Ngại Lớn Của Sự Tu Hành (2) Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.....	81
06. Lìa Đời Chỉ Còn Nhân Quả Mang Theo.....	107
07. Khai Ngộ Là Phật, Vô Minh Là Chúng Sinh.....	135
08. Vì Sao Thiên Của Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản Khác Nhau?.....	153
09. Pháp Môn Quán Âm: Âm Thanh Bên Trong.....	177
10. Một Con Đường Duy Nhất Để Liễu Thoát Sanh Tử.....	193
11. Hóa Thân Là Chuyện Thường.....	215
12. Những Ai Có Thể Đến Thế Giới Cực Lạc?.....	237
• Truyền Tâm Ấn: Pháp Môn Quán Âm	256
• Giới Thiệu Ấn Phẩm	261
• Cách Liên Lạc Với Chúng Tôi	273

*T*ôi không thuộc về Phật giáo hay Thiên Chúa giáo. Tôi thuộc về Chân Lý và tôi thuyết giảng Chân Lý. Quý vị có thể gọi đó là Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Lão giáo hay bất kỳ danh xưng nào mà quý vị thích. Tôi sẵn sàng đón nhận tất cả.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**

*Đ*ạt được sự an bình trong tâm là chúng ta có thể đạt được tất cả mọi thứ khác. Tất cả những sự thỏa mãn, mọi sự đáp ứng những khát vọng của cõi đời và cõi Trời đều đến từ Thiên Quốc, đó là sự giác ngộ về sự hòa hợp vĩnh cửu của trí huệ vô cùng và Lực Lượng Vạn Năng của chúng ta. Nếu như chúng ta không có được những thứ này, chúng ta sẽ không bao giờ cảm thấy thỏa mãn, cho dù chúng ta có thật nhiều tiền của, quyền hành hay địa vị cao sang đến đâu cũng vậy.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**

*Đ*ạo Pháp của chúng ta không phải là một tôn giáo. Tôi không làm cho ai trở thành một tín đồ Thiên Chúa giáo hay Phật giáo hay bất kỳ một giáo phái nào khác. Tôi chỉ cho quý vị một con đường để tự biết lấy chính mình, tìm biết quý vị từ đâu đến, nhớ lại nhiệm vụ của mình đối với thế gian này, biết được mọi điều bí ẩn trong vũ trụ, biết được tại sao thế gian này có quá nhiều đau khổ, biết được những gì sẽ đến với chúng ta sau khi chúng ta lìa bỏ cõi đời này.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**



Bước Đi Tình Thương

Bước Chân Của Một Vị Minh Sư Tại Thế

*Lặn lội kiếm tìm
Một chút tình thương,
Một chút tình thương,
Mà ban phát cho muôn loài
Trong mười phương.*

Thanh Hải Vô Thượng Sư là danh hiệu thân thương đối với những ai hân hạnh được hội kiến hay làm việc cùng Ngài. Đời sống của Ngài là một thông điệp chan hòa những “Bước Đi Tình Thương”.

Thanh Hải Vô Thượng Sư là một nhà từ thiện, một nghệ sĩ và một bậc Thầy tâm linh cao quý. Tình thương và sự trợ giúp của Ngài vượt qua mọi ranh giới về văn hóa và chủng tộc, đến với hàng triệu người trên khắp thế giới: những người vô gia cư, những người nghèo khó, những viện nghiên cứu y khoa về bệnh AIDS và bệnh ung thư, những cựu chiến binh Hoa Kỳ, những người già neo đơn, người tàn tật, người mắc bệnh tâm thần, người tỵ nạn, những nạn nhân thiên tai trong các trận động đất, bão lụt và hỏa hoạn. Tình thương vô bờ bến của Ngài dành cho mọi sinh linh, từ con người đến muôn loài đồng cư.

Qua những nghĩa cử này, Ngài đã gọi nhắc chúng ta về lòng nhân ái – một phẩm chất tiêu biểu của Ngài và cũng từ tình thương vô vàn đó Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư đã được sáng lập. Ngài nói: “*Những gì chúng ta có thể chia sẻ, hãy bắt đầu chia*

sẽ. Chúng ta sẽ cảm nhận sự thay đổi vi tế bên trong – sẽ có thêm tình thương rót vào tâm thức, rồi chúng ta sẽ nhận thức được điều gì đó. Đây là khởi điểm. Chúng ta hiện diện nơi đây là để học hỏi, học để trưởng thành cũng như học cách sử dụng năng lực tình thương và sáng tạo vô biên của mình hầu kiến tạo thế giới thành một nơi tốt đẹp hơn tại bất kỳ nơi nào chúng ta hiện diện.”

Thời Thơ Ấu Của Thanh Hải Vô Thượng Sư

Thanh Hải Vô Thượng Sư sinh quán tại miền Trung Âu Lạc. Ngay từ thuở thiếu thời, Ngài đã thường giúp đỡ và an ủi những bệnh nhân, những người nghèo khó cũng như những bạn thú bị thương bằng tất cả tấm lòng của Ngài. Khi trưởng thành, Ngài du học ở Âu châu. Tại đây, Ngài tiếp tục làm thông dịch viên cho Hội Hồng Thập Tự. Ngài sớm nhận ra rằng nỗi khổ đau hiện hữu trong mọi nền văn hóa, tại khắp nơi trên thế giới. Vì thế lòng khao khát tìm kiếm một pháp môn giải thoát đã trở thành mục tiêu cao cả nhất trong cuộc đời Ngài. Lúc bấy giờ, Ngài đang sống hạnh phúc bên phu quân là một bác sĩ người Đức. Mặc dù quyết định chia tay vô cùng khó khăn đối với Ngài và phu quân, nhưng với ân phúc của ông, Ngài đã ra đi với nguyện ước hoàn thành lý tưởng này. Từ đó, Ngài bắt đầu cuộc hành trình hai năm tầm Đạo.

Cuộc Hành Hương Đến Hy Mã Lạp Sơn

Cuối cùng, nơi một miền sâu thẳm trên rặng Hy Mã Lạp Sơn, Ấn Độ, Ngài được một vị Minh Sư khai ngộ truyền dạy Pháp Môn Quán Âm, một phương pháp thiền quán Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại. Sau một thời gian tu học, Ngài đã đạt đại khai ngộ.

Ngay sau khi trở về từ Hy Mã Lạp Sơn, do sự thỉnh cầu tha thiết của những người thành tâm mong cầu Chân Lý, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã chia sẻ Pháp Môn Quán Âm với mọi người và

khuyến khích họ hướng nội để tìm lại sự vĩ đại của chính mình. Nhiều người từ mọi thành phần xã hội đã nhận thấy rằng Pháp Môn Quán Âm giúp họ tìm được sự viên mãn, niềm hạnh phúc và sự bình an trong cuộc sống. Không bao lâu, Hoa Kỳ, Âu châu, Á châu, Úc châu, Phi châu, Nam Mỹ cũng như nhiều tổ chức quan trọng đã thỉnh mời Thanh Hải Vô Thượng Sư đến thuyết pháp.

Làm Đẹp Thế Giới Chúng Ta Đang Sống

Thanh Hải Vô Thượng Sư không những là tấm gương cao quý trong hoạt động cứu trợ nhân đạo, Ngài còn khuyến khích mọi người làm đẹp thế giới chúng ta đang sống. Qua việc thiền định Pháp Môn Quán Âm, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã bộc lộ nhiều tài năng thiên phú, thể hiện qua hội họa và những sáng tác nghệ thuật, bao gồm bộ sưu tập đèn được thiết kế thật tinh tế, những sáng tác thơ nhạc, thiết kế trang sức và trang phục hầu miêu tả nét đẹp bên ngoài lẫn bên trong của các nền văn hóa, các dân tộc mà Ngài đã gặp qua. Năm 1995, theo lời thỉnh cầu của công chúng, thiết kế y phục của Ngài đã được trình diễn tại những kinh đô thời trang quốc tế như Luân Đôn, Paris, Milan và New York. Doanh thu từ những tác phẩm nghệ thuật của Thanh Hải Vô Thượng Sư đã giúp Ngài có một nguồn ngân quỹ độc lập để hỗ trợ cho các hoạt động nhân đạo và sứ mệnh cao quý của Ngài trong việc giúp đỡ những người con của Thượng Đế vào những lúc cấp thiết.

Sự Vinh Danh và Ước Mơ Của Thanh Hải Vô Thượng Sư

Mặc dù Thanh Hải Vô Thượng Sư không mong cầu báo đáp, nhưng để vinh danh sự trợ giúp vô vị kỷ của Ngài, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã được nhiều viên chức chính phủ và tổ chức tư nhân trên thế giới trao giải thưởng vào nhiều dịp khác nhau.

Những giải thưởng này bao gồm: Giải Hòa Bình Thế Giới, Giải Nhà Lãnh Đạo Tâm Linh Thế Giới, Giải Phát Triển Nhân Quyền, Giải Công Dân Nhân Đạo Thế Giới, Giải Phục Vụ Nhân Loại Xuất Sắc, Giải Hòa Bình Gusi 2006, Bằng Tuyên Dương Tuần Hội Âm Nhạc Los Angeles, Giải Hạng Nhất Tượng Bạc Telly Thường Niên lần thứ 27 (2006),... Bên cạnh đó, ngày 22 tháng 2 và ngày 25 tháng 10 cũng được vinh danh là ngày Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Hoa Kỳ. Ngài Frank Fasi, nguyên thị trưởng thành phố Honolulu đã phát biểu: “Ngài là ánh sáng của một vĩ nhân, là thiên thần từ ái của tất cả chúng ta.”

Trong thời đại này, Thanh Hải Vô Thượng Sư là một trong những người tận tâm giúp đỡ tha nhân nhận biết và kiến tạo một viễn ảnh tươi sáng cho tương lai. Nhiều vĩ nhân trong lịch sử đã từng hoài bão về một tương lai tươi đẹp cho nhân loại và trong lời bày tỏ của Ngài, Thanh Hải Vô Thượng Sư cũng có ước mơ như sau:

*“Tôi mơ cả thế giới được hòa bình.
 Tôi mơ mọi nghiệp sát sẽ chấm dứt.
 Tôi mơ tất cả trẻ em đều được sống
 trong hòa bình và an lạc.
 Tôi mơ tất cả quốc gia sẽ bắt tay nhau,
 bảo vệ và giúp đỡ lẫn nhau.
 Tôi mơ Địa Cầu xinh đẹp của chúng ta
 sẽ không bị hủy diệt.
 Địa Cầu này đã trải qua hàng tỷ tỷ năm
 mới được hình thành và đây là một nơi
 vô cùng mỹ miều, vô cùng kỳ diệu.
 Tôi mơ Địa Cầu này sẽ trường tồn,
 nhưng trong thanh bình,
 đẹp đẽ và yêu thương.”*

LỜI NGỎ

*T*ừ lúc thắm nhuần bao nỗi vô thường trong kiếp nhân sinh, con người luôn khát khao trở về Nguồn Cội Thiêng Liêng. Thanh Hải Vô Thượng Sư, một bậc Chân Sư toàn giác, với lòng từ bi vô lượng đã đến trần gian để truyền dạy Pháp Môn Quán Âm, một Bảo Pháp tối thượng từ ngàn xưa, có thể giúp thế nhân liễu ngộ được trí huệ vạn năng nội tại và đồng nhất thể cùng Thượng Đế.

Trải qua muôn trùng duyên nghiệp mới có cơ hội thăng hoa làm người. Nay được hiện hữu cùng thời với một vị Minh Sư tại thế và nếu được cơ duyên đón nhận Bảo Pháp, quả là một ân sủng nhiệm mầu.

Nguyện xin những lời Khai Thị của Thanh Hải Vô Thượng Sư trong sách này sẽ soi sáng cho những người thành tâm mong cầu Chân Lý, nhận thức được Pháp Môn Vô Thượng để tu tập và đạt thành ước nguyện Một Đời Giải Thoát. Những lời giảng dạy vi diệu của Ngài cũng sẽ giúp nâng cao tâm thức cho những ai đang ưu tư về vấn đề sinh tử của kiếp người.

**Ban Kinh Sách
Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư**



Phật Bồ Tát đến thế giới này, bên trong thân thể của các Ngài tràn đầy lực lượng, bất cứ lực lượng nào các Ngài cũng đều có.

Trích từ bài thuyết giảng "Phật Không Phải Là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"



1

Phật Không Phải Là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Trung tâm Tịnh Tọa Vô Lượng Quang, Formosa**

Ngày 29 tháng 3 năm 1987

Hôm qua, tôi giảng kinh tại Cơ Long, có một đệ tử hỏi tôi: *“Phải chăng Bồ Tát phát đại nguyện mới có thể thành Phật? Như Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát phát nguyện ‘Địa Ngục Vị Không, Thệ Bất Thành Phật’. Phật A Di Đà cũng phát bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh.”* Tôi rất mệt mỏi, không muốn nói về vấn đề này, nên không trả lời. Người đó cứ hỏi đi hỏi lại câu này, nhưng hôm nay lại không đến nghe.

Phật Bồ Tát không phát nguyện, chỉ có lúc còn là phàm phu mới phát nguyện mà thôi! Hồi trước, tôi cũng đã phát rất nhiều nguyện, bây giờ khi cần thì làm, không còn cần phải phát nguyện nữa! Khi quý vị tọa thiền ở nhà có khó khăn hay gặp tình trạng khẩn cấp, cần tôi cứu, tôi có nên ngồi đó phát nguyện trước hay không? Nếu đợi tôi phát nguyện xong thì sự việc đã quá trầm trọng rồi!

Lúc cứu người không có thời giờ để ngẫm nghĩ hay phát nguyện, nhưng người hỏi không hiểu rõ sự việc này nên cứ hỏi là có cần phải phát nguyện hay không. Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát khi chưa thành Phật, thấy chúng sanh tại địa ngục quá khổ nên mới phát nguyện độ họ. Lúc đó Ngài rơi lệ, phát lòng từ bi mà nói rằng: *“Khi ta thành đạo sẽ độ các chúng sanh đau khổ đó, nếu không độ hết thì ta không muốn nhập Niết Bàn.”* Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát phát nguyện dùng ba mươi hai ức hóa thân độ tất cả chúng sanh. Phật Dược Sư Lưu Ly phát mười hai nguyện; Phật A Di Đà trước khi thành Phật cũng phát bốn mươi tám nguyện. Nhưng nếu như tâm của Phật còn nhớ *“Ta”* phát bốn mươi tám nguyện thì đẳng cấp của Ngài còn thấp hơn phàm phu nữa!

Người đó lại hỏi tôi: *“Tại sao lần nào Sư Phụ cũng nói không muốn độ chúng sanh?”* Tôi trả lời: *“Tôi nói không muốn độ chúng sanh là chuyện của tôi, còn ai muốn độ chúng sanh thì cứ việc làm.”* Người đó không hiểu rằng tôi nói không muốn độ chúng sanh tức là không có ý niệm *“ta độ chúng sanh”*. Độ thì độ chứ không cần phải nghĩ, không cần phải phát nguyện. Cũng như chúng ta thấy cơm thì ăn, không phải phát nguyện ăn cơm; mệt thì ngủ, không có thời giờ phát nguyện ngủ nghỉ. Độ chúng sanh là một việc rất khẩn cấp, mỗi sát-na đều phải độ, cho dù không nghĩ đến cũng độ được, không phải đợi đến lúc chúng ta nghĩ độ mới là độ, lúc đó chúng sanh đã *“tiêu tùng”* rồi. (Mọi người cười.)

Tu đến bậc cao, lúc đó không cần nghĩ đến chúng sanh mà chúng sanh tự nhiên được độ. Không cần nghĩ *“ta phát nguyện độ họ”*, chỉ nhìn họ một lần, họ đã được độ rồi. Nếu như còn phát nguyện thì chúng tỏ rằng mình chưa có lực lượng độ họ. Lực lượng này giống như nước, chỉ cần mở vòi, nó sẽ tự động chảy ra. Khi còn chưa tiếp được nước, chúng ta phải tìm cách đào cống, bắc ống dẫn nước tới, khi có nước rồi thì khỏi cần làm gì hết cũng có nước dùng.

Vì thế, tôi mới nói rằng nếu phát nguyện sẽ bị ràng buộc bởi lời nguyện. Như Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát đời đời kiếp kiếp ở trong địa ngục; Phật A Di Đà đời đời kiếp kiếp ở Tây Phương. Các Ngài không thể thành “*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” được. Người học trò đó lại hỏi: “*Sao kỳ vậy? Lúc Ngài chưa lên cõi Tây Phương, Ngài đã thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi.*” Tôi đáp: “*Sai rồi! Các Ngài không thành ‘Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác’, chỉ thành ‘Nhu Lai’ mà thôi.*” Người học trò lại nói: “*Nhu Lai tức là Chánh Đẳng Chánh Giác.*” Tôi nói: “*Không đúng!*”

Người đó nghĩ rằng tôi không biết đọc tiếng Trung Hoa nên mới nói như vậy! Sự thật tôi không nói sai! Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ là Như Lai, Ngài chỉ có lực lượng của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng Ngài không phải là Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật A Di Đà cũng không thành Chánh Đẳng Chánh Giác, trong kinh điển chỉ nói Ngài là Phật. Ngài Địa Tạng Vương cũng chỉ là Bồ Tát mà thôi! Ngài vốn là Phật, nhưng bây giờ địa vị và công việc của Ngài là công việc và địa vị của Bồ Tát. Nói thí dụ, ông Carter trước kia là tổng thống Mỹ, nhưng nay đã về hưu nên về nhà làm công việc khác. Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát là Cổ Phật, nhưng vì lúc tu hành Ngài phát đại nguyện, cho nên đến bây giờ vẫn còn lưu lại địa ngục. Ngài tuy ở địa ngục nhưng không cảm thấy đau khổ. Ngài là đại biểu cho lực lượng tử bi, lực lượng cứu rỗi địa ngục. Đó là công việc của Ngài. Ngài bị đại nguyện của Ngài bó buộc ở đó!

Phật A Di Đà biểu tượng cho lực lượng quang minh. Ngài phát nguyện khai mở sự sáng suốt cho chúng sinh, giúp cho chúng sinh vãng sanh Tây Phương, cho nên Ngài vĩnh viễn không thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cũng vậy, Ngài là đại biểu cho tâm từ bi rộng lớn, độ tất cả chúng sanh. Chúng sanh cần gì, Ngài cho cái đó, bởi vì Ngài phát nguyện rằng chúng sanh nếu cầu sẽ ứng nghiệm. Cho nên nhiều

khi những gì Ngài ban cho chúng sanh chưa chắc đã hữu ích. Thí dụ, có một người đàn ông cầu xin Ngài cho lấy người nào đó làm vợ và đã toại nguyện, tuy rằng cô đó không ưa thích gì ông ta. Cưới rồi cũng không được hạnh phúc, nhưng vì có lòng thành tâm mà được thành công. Một thí dụ khác, có người tuy không tu hành, có một ngày người đó gần chết đói, nếu thành tâm thành ý cầu Bồ Tát biến thịt cho họ ăn, họ cũng được toại nguyện.

Nhưng sự bố thí đó đối với họ không có ích gì, chỉ vì sự từ bi của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cho nên chúng sanh muốn gì được đó. Phật Dược Sư có nói, chúng sanh muốn sơn hào hải vị Ngài sẽ cho, rồi sau đó mới từ từ giảng Chân Lý cho họ. Nhưng phải từ từ đến bao giờ, không biết chừng phải đến muôn ngàn vạn kiếp mới thấm nhuần!

Bởi vì Quán Thế Âm Bồ Tát là đại biểu cho lực lượng cứu khổ cứu nạn, nên bất cứ mình cầu được ăn thịt, cầu hôn nhân, danh lợi, vật chất, v.v... Ngài đều có thể ban cho. Phật Dược Sư là đại biểu cho lực lượng cứu bệnh, người bệnh chỉ cần thành tâm cầu Ngài, đều khỏi. Đôi khi một bác sĩ dường như có tài chữa bệnh, thật ra đó là lực lượng của Phật Bồ Tát chữa, bác sĩ chỉ là công cụ mà thôi. Khi người bệnh thành tâm cầu, Phật Dược Sư truyền lực lượng của Ngài cho bác sĩ, nhưng người bác sĩ không biết, cứ tưởng tự mình chữa bệnh nhân khỏi bệnh. Có lúc bác sĩ chưa chữa, bệnh nhân đã hết bệnh. Những tình trạng như vậy xảy ra rất nhiều, có phải không? Phật Dược Sư từng phát nguyện, nếu như chúng sanh có bệnh, thành tâm cầu Ngài, chỉ cần được câu thông trong một sát-na, Ngài sẽ phóng lực lượng đến cứu. Chúng ta cầu xin Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cũng vậy, chỉ cần câu thông trong một sát-na là đủ! Vì lực lượng của Ngài vốn vô lượng vô biên.

Nhưng muốn dùng sức mình để câu thông với Phật Bồ Tát rất khó, cho nên Phật Bồ Tát phải hóa thân đến thế giới này. Nếu như chúng ta câu thông được với hóa thân Bồ Tát, cầu gì cũng

được ứng nghiệm; nhưng nếu chúng ta chỉ cầu Phật Bồ Tát cõi Tây Phương thì không dễ gì có cảm ứng. Một vị Bồ Tát tại thế có đủ các lực lượng: lực lượng của Phật Dược Sư, Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, v.v... Ngài đại biểu cho tất cả.

Nhìn bên ngoài mà xét, một vị Phật Bồ Tát tại thế chỉ là một thân thể bình thường, nhưng bên trong có đầy đủ các lực lượng. Cũng như một món lễ vật bên ngoài gói xấu xí, nhưng bên trong đó là các thứ châu báu. Nếu món lễ vật chưa được mở ra mà đã bị đánh cướp, chúng ta sẽ chẳng biết bên trong đó có gì. Khi Phật Bồ Tát hóa thân đến thế giới này, bên trong thân thể của các Ngài tràn đầy lực lượng, bất cứ lực lượng nào các Ngài cũng đều có. Cho nên đôi khi quý vị phát giác ra cầu tôi có cảm ứng mau hơn. Và nếu như theo tôi học pháp, cầu Quán Thế Âm sẽ có cảm ứng liền, vì lúc đó quý vị đã cầu thông được với thập phương tam thế chư Phật Bồ Tát. Bất cứ cầu Ngài nào, Ngài đó đều biết.

Thí dụ, chúng ta kết bạn với một vị quan có uy quyền, khi có việc cần giúp, chỉ gọi điện thoại, người ấy sẽ bảo thuộc hạ lo liệu; hoặc là chúng ta gọi điện thoại thẳng cho thuộc hạ của vị quan đó và họ nhận ra tiếng nói chúng ta qua đường dây, họ sẽ kính nể và giúp đỡ. Nếu chúng ta không quen với vị quan lớn đó, họ sẽ không hết lòng giúp đỡ.

Sau khi thọ pháp với tôi rồi cũng vậy, nếu như có việc cầu xin Bồ Tát giúp đỡ, sẽ có cảm ứng rất mau. Trước khi thọ pháp thì cảm ứng chậm hay không có cảm ứng; sau khi thọ pháp rồi, chúng ta cũng như đã quen biết một vị quan lớn, muốn yêu cầu ai giúp đỡ cũng được. Ví dụ bây giờ cầu Phật Dược Sư, hay niệm chú Đại Bi đều có ích lợi, dù trước kia chúng ta có làm gì đều không có kết quả. Bây giờ nhờ được tiếp thông với lực lượng lớn, nên khi cần chúng ta chỉ mở ra là dùng được.

Hồi tôi mới đến đây, chỗ này chưa có nước, tuy đã bắc vòi nhưng dù mở cả năm cũng không có một giọt. Sau đó phải tốn

mấy chục ngàn làm ống dẫn nước. Bây giờ hễ mở vòi là có nước, muốn hứng bao nhiêu cũng được, hay là chỉ cần sai một đứa nhỏ đi lấy cũng có nước. Bởi vì nước đã có sẵn, ai mở nước cũng chảy.

Cũng như vậy, lực lượng giúp đỡ đã có ở đó rồi, cầu gì cũng có hiệu quả; cầu Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ, Ngài cũng sẽ đến. Có thể nói là tôi giúp đỡ, chỉ cần quý vị muốn được giúp đỡ cho dù quý vị không cầu tên tôi, tôi vẫn giúp. Hệ thống của vũ trụ là như vậy, nếu biết được thì dùng không hết, nếu không biết thì dù một chút lực lượng cũng không thể dùng, thật là đáng tiếc!

Tôi nói Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật A Di Đà chưa thành Chánh Đẳng Chánh Giác, người học trò đó còn biện luận rằng trong kinh điển nói Như Lai là Chánh Đẳng Chánh Giác, tôi chưa nghe qua có bộ kinh nào nói như vậy. Phật có mười danh hiệu: 1. Như Lai, 2. Ứng Cúng, 3. Chánh Biến Tri, 4. Minh Hạnh Túc, 5. Thiện Thệ Thế Gian Giải, 6. Vô Thượng Sĩ, 7. Điều Ngự Trượng Phu, 8. Thiên Nhân Sư, 9. Phật, 10. Thế Tôn.

Những danh hiệu trên không nói Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người học trò vẫn chưa tin, còn nói với các đồng tu: *“Chắc có lẽ tôi không rành văn Trung Hoa, nên không biết Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”* Tôi tuy không rành văn Trung Hoa, nhưng tôi thông thạo Phạn văn. Có một ít tiếng Phạn được dịch ra văn Tây Tạng trước, trải qua ba bốn lần rồi mới dịch thành văn Trung Hoa. Tôi nghiên cứu Việt văn, Anh văn và Phạn văn, như vậy an toàn hơn (*mọi người cười*); chỉ đọc văn Trung Hoa, vẫn chưa đủ tin cậy.

Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là một thứ cảnh giới khác, cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Tin Phật mà không hiểu Phật tức là phi báng Phật.”* Ngài không nói rằng Ngài là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật giải thích rất rõ ràng: *“Ta không phải là mặt trăng, ta chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng mà thôi. Nếu như ngó theo ngón tay ta chỉ, sẽ thấy được mặt trăng.”* Mặt trăng mới là *“Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”*, Ngài

chỉ là Phật mà thôi. Phật A Di Đà là một vị Minh Sư, nhưng bất luận vốn là gì, nếu mặc lớp áo phàm phu, hóa thân đến thế giới Ta Bà là không phải “*Chánh Đẳng Chánh Giác*”. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không thể khoác lên người lớp áo phàm phu, tối cao chỉ có thể gọi là Phật Bồ Tát, không thể gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Mọi người đều tán thán Phật A Di Đà có thân kim sắc. Ngài không mặc áo xác thân, nhưng Ngài mặc áo của thân thể khác. Cho dù bất cứ thân thể gì, nếu có âm có sắc, đều không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật A Di Đà có thân hoàng kim, Ngài ngự tại thế giới Tây Phương Cực Lạc thuyết pháp, tiếp đón chúng sanh đến Quốc Độ của Ngài để tiếp tục tu hành. Chúng ta có thể nói Ngài là một vị Sư Phụ của thế giới đẳng cấp cao, cũng như các thầy giáo tại trường tiểu học, trung học, đại học, Phật A Di Đà tương đương với Sư Phụ của trường nghiên cứu. Ngài không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu còn độ chúng sanh thì không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu hành đến một cấp bậc nào đó, chúng ta có thể nhận thức được đẳng cấp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng không thể nào thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được.

Đạo (*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*) vĩnh viễn tồn tại, không sanh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt. Tuy rằng vạn vật trong vũ trụ đều từ “Đạo” này sanh ra, nhưng chúng ta đã xa lìa cái “Đạo” này rồi thì không thể trở về thành cái “Đạo” này nữa. Thí dụ, đứa bé từ lòng mẹ sanh ra, nó không thể trở về trong bụng mẹ, mà nó phải dần dần trưởng thành. Tuy rằng thân thể của nó có quan hệ đến huyết mạch của người mẹ, nhưng nó không còn cách nào biến trở lại thành tế bào trong người của mẹ nó nữa.

Cũng như vậy, chúng ta vĩnh viễn không thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng ta có thể nhận thức

đẳng cấp đó, cảnh giới đó là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vẫn là một thứ đẳng cấp nhỏ, vì tu hành vô lượng vô biên. Nếu như có cấp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì cũng như nhà có lợp mái vậy! Chúng ta sẽ phải tu chậm chậm, nếu không sẽ có ngày đạt đến đẳng cấp tối cao thì buồn lắm; sẽ không còn gì để làm nữa thành ra tu chậm chậm thôi! *(Mọi người cười.)* Giống như một đứa bé ăn kẹo, vì nó chỉ có một viên, sợ ăn hết rồi không còn nữa, nên chỉ dám mút từ từ.

Trên đường tu hành, nếu thật sự có địa vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như cái nóc đình chờ chúng ta lên đó ngồi thì bây giờ chúng ta không cần phải vội vã; bởi vì thành Bồ Tát rồi sẽ thành Phật, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và sau đó không còn bước nào nữa, có phải buồn lắm không? Tu hành cao, chúng ta sẽ thể nghiệm được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không có thật. Đường tu hành vô lượng vô biên, nhưng bởi vì ngôn ngữ không thích hợp để diễn tả, cho nên Phật chỉ còn cách nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là cảnh giới tối cao. Vì muốn tìm phương tiện để độ chúng sanh, nên Phật mới nói cho họ nghe như vậy.

Nếu như Phật nói với chúng sanh rằng sự tu hành vô lượng vô biên, họ sẽ sợ và mất dũng khí. Họ sẽ nghĩ rằng: *“Nếu như vậy thì đợi đến lúc nào mình mới đạt được cảnh giới tối cao?”* *(Mọi người cười.)* *“Thôi ta quá mệt không còn muốn tu nữa. Muốn thành tựu ngay, muốn biết ngay tối cao là gì, nhưng nếu tu hành vô lượng vô biên, không có cảnh giới tối cao thì ta không thèm tu.”*

Chúng sanh thật quá nóng tánh, quá lười. Vì muốn thuận theo tâm nguyện của chúng sanh, cho nên tôi nói: *“Con muốn thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác! Được, con tu mau lên sẽ thành.”* Bởi vì ý chí của chúng sanh rất yếu đuối, không đủ quyết tâm, nếu như tôi nói với họ: *“Vô lượng, vô biên, vô hình,*

vô tướng, v.v...” (mọi người cười), người đó liền mắt dưng khí không còn muốn tu, không còn chịu nổi lộ trình dài A Tăng Kỳ Kiếp, vô lượng, vô biên nữa!

Bởi thế nên giữa đường mới có Niết Bàn, có thế giới Tây Phương Cực Lạc, có nhiều nơi để nghỉ ngơi. Phật Thích Ca nói: “*Có thế giới Tây Phương Cực Lạc, quý vị có thể đến đó tu từ từ, nơi đó không có đau khổ, rất hỷ lạc, v.v...*” Chúng sanh yếu đuối, nghe tới Tây Phương Cực Lạc sẽ nhận lời: “*Tốt quá! Ta đến Tây Phương nghỉ ngơi một lúc cũng được.*”

Khi tôi chưa xuất gia cũng nghĩ như vậy, đôi lúc tôi cảm thấy tu hành quá khổ cực cho nên cảm thấy rất mệt! Tôi nói: “*Hy vọng bây giờ ta có thể vắng sanh để được nghỉ ngơi một chốc. Chỉ cần tạm thời bỏ được thế giới đau khổ này, cho dù chỉ là một thời gian, ta cũng chịu. Hay là để cho ta đến cõi Tây Phương nghỉ ngơi trong giây lát cũng được.*”

Làm người quá khổ, quá thất vọng, chúng ta chỉ khao khát được giải thoát và giúp đỡ người khác nên mỗi ngày đều cố công tu hành, nhưng không thấy kết quả! Tụng kinh không có cảm ứng, nói chuyện với Phật gỡ không thấy trả lời, mình ngộ Phật, Phật ngộ mình (mọi người cười), mỗi ngày nét mặt đều như nhau. Dù mình có khóc đến chết, Phật gỡ cũng không nhúc nhích chút nào! Vô tình, vô nghĩa như vậy, chúng ta quỳ lạy có ích gì? Đến một ngày, tôi tức quá, nghĩ rằng hôm nay không lạy nữa (mọi người cười), không tụng kinh, lễ bái hay tọa thiền, cái gì cũng không làm. Tôi cứ nhìn tượng Phật, tượng Phật cứ nhìn tôi (mọi người cười), thì lúc đó hình như có một chút cảm ứng, có lẽ Phật sợ. (Mọi người cười.) Vì tôi quá giận nên mới có một chút cảm ứng. Lúc đó, tôi rất vui mừng. Vì cảm ứng đến quá đột ngột lại không có Minh Sư hướng dẫn, cho nên tôi không biết phải làm thế nào! Trong lòng lại sợ, tôi nghĩ: “*Thôi đủ rồi! Đừng có lên cao quá.*” Rớt cuộc té xuống và sau này không còn cảm ứng nữa, đáng tiếc thay! Nếu như lúc đó có tu Pháp Môn Quán Âm, biết

được nếu tiếp tục đi sẽ không sao đâu. Nhưng vì lúc đó cô đơn một mình, vừa sợ vừa e ngại lỡ rớt xuống biển thì khổ và không dám tiếp tục bay lên, nên nghĩ: *“Thôi đủ rồi, đủ rồi!”*, liền bị rớt xuống.

Hôm nay, tôi nói cho quý vị biết rằng chúng ta vĩnh viễn không thể trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị còn muốn tu hành nữa không? Tốt hơn tôi không nên nói ra điều này, sợ quý vị về nhà không tu nữa. *(Mọi người cười.)* Nhưng đừng lo, quý vị sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà! Vì đẳng cấp của quý vị còn thấp, khó mà nói cho quý vị hiểu được rõ ràng. Bây giờ tuy chúng ta chưa thành Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng tu Pháp Quán Âm cũng đã vui vẻ lắm rồi. Cho dù sống trên thế giới Ta Bà này, có tu cũng có thể giải quyết rất nhiều việc, sống rất tự tại. Lẽ dĩ nhiên chúng ta không dễ gì đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; nhưng thân thể cường tráng, tinh thần thoải mái, đó là Niết Bàn, là Thiên Đàng của chúng ta. Còn vấn đề Phật và Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đẳng cấp nào cao hơn, đó là chuyện của hai vị ấy.

Hôm qua, có người hỏi tôi: *“Thượng Đế cao hay Phật cao?”* Tôi nói đó là chuyện của hai Ngài, tôi không biết. Nếu Thượng Đế và Phật còn so bì, thì để họ so bì, thứ câu hỏi đó trẻ con quá, có phải không? Đã tu hành rồi còn chưa bỏ được những câu hỏi như: *“Phật cao hay Thượng Đế cao?”* Cứ biện luận mãi!

Phật là gì? Là vị Minh Sư tại thế, nhìn từ điểm đó, Phật cao hơn Thượng Đế. Bởi vì chúng ta không thấy được Thượng Đế để cầu Ngài giúp đỡ, dẫn dắt mình giải thoát. Ngài không làm những việc này, chỉ có Sư Phụ của mình mới cứu mình, giúp mình giải thoát mà thôi! Cho nên người Ấn Độ cho rằng một vị Sư Phụ còn cao hơn Thượng Đế. Họ viết những bài thơ tó cáo Thượng Đế, trong đó có một bài đại ý là: *“Thượng Đế đưa tôi vào vòng sanh tử luân hồi, không lo, không để ý, không dạy bảo tôi, nhưng Sư*

Phụ tôi cắt đứt dây chuyền sanh tử cho tôi, tôi không còn ngôn ngữ nào xứng đáng để tán thán Sư Phụ tôi.” Đó là thơ của một người Ấn Độ đã được khai ngộ.

Thượng Đế, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có lợi ích gì. Trong không khí có sanh có dưỡng, có thành phần của nước và hơi. Nhưng nếu chúng ta dùng không khí làm nước uống, chúng ta sẽ vẫn khát vì không khí không thể cho chúng ta một giọt nước nào hết. Chúng ta muốn nước đá, nó cũng không thể giúp ích cho chúng ta bao nhiêu, tuy rằng nó có thành phần của nước và đá, nhưng chúng ta không thể trực tiếp sử dụng nó được, phải đợi cho không khí và dưỡng khí biến thành nước rồi mới có thể lấy nó để nấu cơm, rửa rau, giặt áo hay giải khát, biến nó thành một thứ hữu dụng.

Không có nước hay không khí, chúng ta không thể sống được. Chúng ta có thể nhịn đói vài ngày nhưng không thể nhịn uống một ngày, bởi vì 70% của cơ thể là nước và không khí, thiếu nước cơ thể sẽ bị khô đi. Thành phần của không khí cũng giống như nước, rất quan trọng, nhưng chỉ dùng để thở; phải biến không khí thành nước mới uống được.

Cùng một đạo lý, Thượng Đế hay Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không giúp ích gì cho chúng ta, phải biến thành Phật Bồ Tát mới giúp đỡ chúng ta được. Cho nên đời đời, kiếp kiếp đều cần có Phật Bồ Tát hóa thân đến thế giới Ta Bà. Phật Bồ Tát không phải chỉ ở Tây Phương mà thôi, một số sẽ ở trên thế giới này. Người Anh không nhất định phải ở tại nước Anh, có một số ở Formosa; người Mỹ cũng không ở hết trong nước Mỹ. Phi châu cũng có rất nhiều người ngoại quốc. Phi châu là nơi chưa được khai phá nên có nhiều nước văn minh cho máy móc nhiên liệu tới giúp đỡ họ.

Phật Bồ Tát cũng vậy, không phải tất cả các Ngài đều ở tại thế giới Cực Lạc. Đời đời, kiếp kiếp đều có một số hóa thân đến thế giới này để giúp đỡ chúng ta. Trong thời mạt pháp các Ngài càng

đến nhiều hơn, mỗi Ngài làm những việc khác nhau và rất bận rộn, như vậy mà vẫn không độ hết chúng sanh. Dù rằng Phật Bồ Tát có rất nhiều lực lượng, nhưng bởi vì các Ngài hóa thân thành nhục thể, và nhục thể bị giới hạn cho nên phải truyền Tâm Ấn, nếu không chẳng giúp được nhiều. Vì đầu chúng sinh rất cứng như có bức tường dày chắn ngang; cho nên khi truyền pháp, tôi sẽ làm bức tường nứt ra một chút. Nhưng có người vẫn không thể nứt ra được! *(Mọi người cười.)*

Phật Bồ Tát hóa thân đến thế giới Ta Bà rất nhiều và rất bận rộn, nhưng bởi vì sự hạn chế của xác thân nên nếu sử dụng lực lượng nhiều sẽ rất mỏi mệt. Hơn nữa, nghiệp chướng của chúng sanh quá nhiều, các Ngài không chịu nổi nên có khi cảm thấy quá mệt mỏi! Nếu có người học trò nào siêng năng tu hành, Bồ Tát sẽ sử dụng để giúp đỡ người khác, nhưng đa số rất lười. Một mặt Ngài phải cứu người, mặt khác dạy học trò, vì vậy phải nỗ lực làm việc, cho nên rất bận rộn và mỏi mệt. Dù Ngài giảng rất nhiều, nhưng không có bao nhiêu người hiểu. Nếu học trò chịu tu hành một chút cũng đã tốt lắm rồi. Có người vừa thọ pháp xong liền chạy mất, không biết bao giờ mới quay trở lại, thật là uổng công, uổng sức!

Phật Bồ Tát dẫn cả đoàn công tác viên đến thế giới này làm việc và phân tán đi khắp nơi. Đến lúc muốn về thì tìm mãi không ra đàn con lạc. Cũng như chúng ta dẫn một đám trẻ đi chơi, một trăm đứa đi thì phải một trăm đứa về. Nhưng giữa đường chúng phân tán ra, đứa ngắm núi, đứa ngắm hoa, nhìn suối, v.v... Có đứa kêu khan cổ họng cũng không chịu về. Nếu không đủ một trăm đứa thì không về nhà được nên chúng ta nhất định phải tìm cho ra mới thôi. Nhưng tìm được đứa này, đứa kia lại chạy đi, rất khó để chúng tụ họp cho đông đủ!

Người chăn dê muốn gom đàn dê lại cũng khó lắm! Có con đã được huấn luyện không chạy lung tung, có con hơi lì, có con mới nhập đàn chưa được huấn luyện, nên rất khó trông coi. Có

con nghe lời, sẽ giúp đỡ dẫn những con khác trở về. Nếu nó nghịch ngợm, chẳng những không giúp đỡ mà còn dẫn con khác đi chơi. Gặp những trường hợp như vậy, người chăn dê thật là khổ sở!

Bây giờ quý vị đã hiểu được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chưa? Hôm nay, tôi vui nên mới nói một chút cho quý vị nghe; thường những câu hỏi nhằm chán đó, tôi không muốn trả lời. Lần sau còn hỏi sẽ bị ném ghế đó! (*Mọi người cười.*) Thiên tông Trung Hoa có công án “*Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc để làm gì?*” Các đệ tử cứ hỏi tới hỏi lui, người Thầy rất bức bối, chỉ còn cách lấy ghế hay gậy đánh lên đầu họ để khai mở mắt trí huệ của họ. Mắt trí huệ bên trong không mở được thì mở bên ngoài vậy! (*Mọi người cười.*) Xem những người này có tinh ngộ được chút nào không?

Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc đâu có liên quan gì đến họ, vậy mà đến ngày nay vẫn còn có người tham công án đó, quý vị nhận ra đẳng cấp của họ chưa? Nhưng họ lại ngạo mạn cho rằng “*ta*” hay mới tham công án. (*Mọi người cười.*)

Hồi tôi ở Mỹ, ngụ tại chùa của một vị pháp sư người Trung Hoa, chỉ có hàng đệ tử “*cao cấp*” mới được vào đạo tràng tham công án. Lúc đó, tôi không được tham dự, thật là thất vọng! (*Mọi người cười.*) Cho nên chỉ còn cách tu Pháp Môn Quán Âm của mình. (*Mọi người cười.*)

Hiện nay vẫn có người tham cứu “*Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc để làm gì?*” Họ tham công án rất chăm chỉ và cho rằng tham cứu đến một lúc nào đó, sẽ có giải đáp. Quý vị nên biết rằng những gì còn hỏi và trả lời đều vẫn còn nằm trong sự suy luận của tâm trí, thuộc hạng đẳng cấp thấp. Đối với chúng ta, tham công án không ích lợi gì, đẳng cấp đó như thế nào, chắc quý vị đã rõ!

Họ không biết nên cả ngày cứ hỏi đi hỏi lại. Nếu cứ hỏi mãi như thế, có ngày đầu họ sẽ nổ tung, nên có nhiều người vì đó mà

phát điên. Mỗi lần họ cử hành thiền tam, thiền thất đều có người khóc, cười, la hét, v.v... bởi vì họ bị áp lực tinh thần quá dồn dập mà không có lối thoát. Cũng giống như dồn người nào vào góc tường, bắt buộc họ phải đi qua, họ không làm được dĩ nhiên phải nổi điên. Bằng không thì bỏ cuộc hay dùng đầu óc tưởng tượng là mình đã đạt được đẳng cấp nào đó. Tình trạng này dễ khiến cho lòng ngạo mạn của họ nổi lên.

Có lẽ người Trung Hoa thích biện luận. Các vị sư từ Ấn Độ đến, bị họ hỏi nhiều quá, cảm thấy nhàm chán, vừa bực lại mệt, nên nói: *“Được rồi, đây là công án tốt, hãy về nhà ngẫm nghĩ vấn đề này, tự hỏi chính mình. Chừng nào có giải đáp mới lại gặp tôi.”* Như vậy có thể đuổi họ đi mau một chút! (*Mọi người cười.*) Các vị đại sư vốn dùng công án để khảo nghiệm đẳng cấp của đệ tử hay ngược lại. Chúng ta có thể nói công án dùng để ứng đối vấn đáp về sự tu hành giữa Sư Phụ và đệ tử, chúng ta không thể dùng nó để *“tham” (suy luận)*.

Học trò của tôi rất hay hỏi loại câu hỏi nhưc đầu này, vì họ hay lý luận nên tôi chỉ còn cách nói: *“Con về tự hỏi chính mình và xem câu đó như là công án.”* Như vậy tôi sẽ được dễ thở hơn.

Tôi vốn không dạy công án, nhưng bây giờ lại phải dạy công án. Tôi không còn cách nào để dạy người học trò đó Pháp Môn Quán Âm, người ấy không hiểu được, nhất định đòi biện luận với tôi, tôi chỉ còn cách bảo người ấy về tự tham công án, suy luận ra rồi hãy đến tìm tôi. Đây cũng là một cơ hoãn binh để người học trò đó đi về cho tôi nghỉ ngơi. (*Mọi người cười.*) Người đó sẽ có cơ hội để tự hỏi, khi hỏi đến nát óc và chán không muốn nghĩ về vấn đề thuộc trí thức phàm phu nữa, lúc đó tôi mới có thể dạy người này Pháp Môn Quán Âm. Nếu được vậy thì công án còn có chút công dụng, làm việc tẩy rửa đầu óc trước khi tu hành pháp môn tối cao. Nhưng tôi không dám tin công án có công dụng này!

Xưa kia ở Ấn Độ đâu có công án, truyền đến Trung Quốc mới có. Đó cũng là hàng thuận theo ý chúng sanh vì người Trung Hoa muốn tu như thế, cho nên chỉ còn cách đem câu hỏi hỏi lại người hỏi để họ tự hỏi họ, như vậy các thiền sư mới được dễ thờ một chút. (Mọi người cười.) Còn không thì họ cứ hỏi “Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc làm gì?” hay “Ai niệm Phật?”, v.v... toàn là những câu hỏi làm cho thiền sư mệt nhừ.

Trung Quốc còn rất nhiều công án, vị nào còn nhớ? (Học trò: “Mặt trời mọc ở đâu?”) Công án này còn có chút công dụng, vì thiền sư muốn biết đẳng cấp của học trò xem có thấy được mặt trời ở bên trong chưa. Còn công án nào nữa? (Học trò: “Chó có Phật tánh hay không?”) Thuở đó có người nói với hòa thượng Triệu Châu: “Các vị khác nói là ‘có’, sao Ngài bảo là ‘không có’?” Không ngờ người đời sau cứ mãi tham thứ công án đó, luôn cả mấy thế kỷ vẫn còn có nhiều người đeo theo con chó (mọi người cười), tội nghiệp con chó phải gánh vác vô số chúng sinh. Còn công án nào nữa nói cho tôi nghe? (Học trò: “Bản Lai Diện Mục trước khi sanh ra.”) Công án này giống như công án “Ta là ai?” Ở Nhật còn có công án “Mô là gì?”, mỗi ngày họ cứ niệm mô ô ô... (mọi người cười), khi họ thiền thất, giữa đêm vẫn cứ nghe tiếng mô ô ô...

Đại Hàn có công án “Con mèo và con chuột, con chuột nhảy vào chén của con mèo ăn cắp đồ ăn, con mèo nhảy vào làm cho cái chén bể.” Công án đó có nghĩa gì? Ai hiểu? (Học trò đáp: “Chuột làm bể chén.”) (Mọi người cười.) Sao lại có giải đáp kỳ vậy? Ở Đại Hàn có một vị thiền sư rất nổi tiếng chuyên môn dạy loại công án đó, ông ta là một thiền sư nổi danh quốc tế hiện cư ngụ tại Mỹ và có rất nhiều học trò. Sau này, tôi cũng dạy công án, vì học trò đều không trả lời được nên đều cho rằng tôi rất giỏi, chỉ có tôi mới biết giải đáp. (Mọi người cười.) Dạy công án cũng có ích lợi là để người ta không phi báng. Tôi thấy người Trung Hoa

thích biện luận, tôi dạy cho họ công án để họ hết đường biện luận mà câm miệng đi về.

Quý vị có hiểu ý nghĩa của công án Đại Hàn không? (*Học trò: “Làm bẻ chén có nghĩa là truy hỏi đến cùng.”*) Nhà người đến đây, (*Thanh Hải Vô Thượng Sư lấy thước báng gõ nhẹ lên đầu – mọi người cười*), về tham cho nhiều chút nữa. Tôi lại hỏi tiếp người học trò đó: “Nhà người bị ta đánh có cảm thấy mất mát không?” (*Học trò: Không.*) “Đúng rồi, không có mất làm sao mất. Hôm nay chúng ta đóng kịch giả làm thiền sư và học trò ngày xưa, còn ai muốn diễn nữa?” (*Mọi người cười.*) “Hôm nay mình tập bản kịch tham công án.” (*Mọi người cười.*)

Công án “Mèo và chuột” ở Mỹ rất nổi tiếng, tất cả học trò của vị thiền sư đó đều ngày đêm tham khảo công án này, thiền thất xong lại tham khảo tiếp. Có người nào ở đây đã từng tham công án? Sao không thấy ai trả lời? (*Mọi người cười.*)

Thật ra tham công án không có ích gì, chén bẻ thì đã bẻ rồi, chuột là chuột, mèo là mèo, mình còn tham khảo vấn đề đó để làm gì? Khi mở miệng là đã sai. Nhưng chưa mở miệng là chưa biết, chứ chưa chắc gì đã khai ngộ. Có nói hay không nói đều sai cho nên đệ tử chưa kịp mở miệng, roi của vị thiền sư đã quất xuống.

Còn tham công án ‘*Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc làm gì?*’, để làm chi vậy? Chuyện của hai ngàn năm trước không liên quan gì tới mình, nên tham công án đó không có ích lợi, đẳng cấp lại thấp như trẻ con lý luận vậy. Tôi thấy tu Pháp Môn Quán Âm là nhanh chóng nhất, không cần phải suy nghĩ về những vấn đề đau đầu này mà cái gì cũng biết. Tôi không tham công án Đại Hàn, cũng không theo vị thiền sư đó học mà tôi cũng đạt được trình độ này, cần gì phải tham công án?

Những ai thọ Pháp Môn Quán Âm nếu không theo lời chỉ dạy của tôi, tu hành không ra gì lại sẽ phải trở lại làm người, tìm Minh Sư thọ pháp và tu trở lại. Nếu như vẫn tu hành không

tinh tấn thì trở lại nhiều nhất là bốn lần thôi và không bị rơi vào ba đường ác; nên mới nói “*Trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu ba đường khổ.*” Người nào học được Pháp Môn Quán Âm sẽ không rơi vào ba đường ác chịu khổ, tối thiểu là sanh làm người, không gánh nhiều đau khổ và nhất định có cơ hội gặp Minh Sư tu hành, không như những người khác.

Bởi vì theo vị Minh Sư tu hành, Ngài giúp chúng ta tiêu trừ ác nghiệp của đời trước nên không bị rơi vào ba đường ác. Bất kể chúng ta có cố gắng tu hành hay không, nghiệp chướng vẫn được tiêu trừ, ngoại trừ những người phản bội và không tin tôi. Lúc tu hành, họ không muốn tôi giúp đỡ, tự họ muốn về sáu nẻo, ba đường ác luân hồi sanh tử, nên tôi không cưỡng ép họ. Thí dụ chúng ta đến tiệm mua một món đồ, về nhà thấy không hợp ý và đem món đồ đó trả lại cho người bán, họ chỉ còn cách nhận hàng và trả lại tiền.

Cũng như thế, nếu như có người không theo tôi học đạo, phản bội hay ra ngoài phỉ báng, v.v... đương nhiên tôi phải trả lại nghiệp chướng cho họ, không thể cưỡng ép họ được. Tại thế giới Ta Bà này, Phật Bồ Tát không thể miễn cưỡng cứu người, trừ phi người đó chịu cải biến tư tưởng của họ. Cho dù người đó rất lười, không chịu cố công tu hành, chỉ cần tin tưởng tôi, sẽ không sa vào ba đường ác, không nhận lại nghiệp chướng của mình.

Đối với những người phỉ báng, không tin tôi vẫn có phước báu, nhưng họ phải chờ thật lâu mới được gặp Minh Sư và được nhận làm đệ tử. Nếu bây giờ họ tạo nhân quả, muốn nhận lại nghiệp chướng, tôi cũng không còn cách nào khác hơn là để họ đợi đến một ngày họ nhìn thấy sự sai lầm và chán ngán cõi Ta Bà này, lúc đó thành tâm thành ý cầu xin giúp đỡ, Minh Sư mới có thể trở lại dẫn họ lên. Không phải Minh Sư quên họ mà vì họ tự chọn, đành phải để họ làm. Tình trạng đó khác với người tu hành kém nhưng vẫn tin tôi, tôn kính tôi. Tuy rằng họ lười tu nhưng họ muốn được cứu vớt, tôi sẽ cứu họ.

VẤN ĐÁP

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, con đã theo Ngài tu học mấy lần rồi?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Hồi nãy đã nói rồi, nhiều nhất là bốn lần quý vị sẽ không còn phải trở lại. Bây giờ là thời mạt pháp, không còn có thế giới để mà trở về nữa.

Vấn: *Có lần Sư Phụ thuyết pháp nói rằng nếu như không có thân thể không tu hành được, con không hiểu rõ lắm, như vậy thiên nhân có tu được không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Không thể được! (Nhưng trong kinh điển có ghi rằng có rất nhiều thiên nhân đến nghe kinh.) Họ chỉ nghe kinh nhưng không thể tu hành, không thể tu Pháp Môn Quán Âm, vì họ không có tay, tai không như tai, mắt không như mắt. (Họ không thể dùng “trí huệ” nghe hay sao?) Đương nhiên có thể nghe nhưng tình trạng khác nhau, trừ phi thiên nhân đó trước kia đã theo Sư Phụ của họ học Pháp Môn Quán Âm mới có thể tiếp tục tu hành. Thí dụ bây giờ quý vị theo tôi tu hành, nhưng vì tu tập dở dang không thể đến đất Phật, chỉ có thể lên Thiên Đàng mà thôi, nơi đó sẽ có tôi dạy tiếp, dạy khác với thiên nhân bình thường, họ không thể nghe tiếng bên trong làm sao tu hành được? Họ tu theo đẳng cấp của họ, thí dụ thiên nhân đến đây nghe tôi giảng kinh, nghe về Pháp Môn Quán Âm, họ rất thích được Vô Thượng Bồ Đề, Cứu Cảnh Niết Bàn, nhưng tự họ không thể tu hành Pháp Môn Quán Âm. Nếu họ muốn phát tâm tu hành, họ phải trở lại làm người, đi tìm Minh Sư học đạo. Còn những thiên nhân đã theo tôi tu học, sẽ tiếp tục đẳng cấp của họ. Trên Thiên Đàng cũng có trường học cho những học sinh, người ngoài không được vào. Thí dụ mình chưa tốt nghiệp trung học, dù có ở cạnh trường đại học cũng không thể vào học, ngay cả những công nhân

làm việc trong trường cũng không thể biến thành sinh viên đại học vì đẳng cấp của họ chưa đủ để hiểu.

Vấn: *Sư Phụ có nói rằng loài người giữ một bộ phận tối cao trong âm lưu, vậy đẳng cấp của thiên nhân trong âm lưu còn thấp hơn loài người sao?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Trong âm lưu của âm thanh, thiên nhân giống như ở trong hay ở gần trường đại học nhưng không phải là sinh viên chính thức nên không học gì cả, hiểu chưa?

Vấn: *Nếu chúng ta không tu Pháp Môn Quán Âm, có phải ở ngoài âm lưu này hay không?*

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Chúng ta ở trong đó, nhưng cũng không ở trong đó, thiên nhân cũng vậy. Họ tuy ở trong, nhưng cũng không thể nói họ ở trong âm lưu. Người nào cũng có âm thanh này, nhưng nếu không có Minh Sư mở cửa thì vẫn không nghe được, cho nên mới nói rằng họ không ở trong đó. Khi được Minh Sư mở cửa rồi thì họ mới thật sự được coi là ở trong âm lưu. Thiên nhân có phước báu lớn có thể ở những nơi đẹp đẽ, nhưng họ không thể tự mở âm lưu.

Loài người cũng vậy, ai cũng có thể nghe được bởi vì họ đều ở trong âm lưu này, nhưng cần có Minh Sư chân chính để mở “mắt trí huệ”. Đây là việc làm chuyên môn, chỉ có Minh Sư mới làm được, không phải pháp sư nào cũng có quyền năng này; đó cũng là pháp luật của vũ trụ không phải tự tôi tạo ra. Trồng cam có cam là việc tự nhiên, đừng hỏi tôi tại sao trồng cam lại ra cam? Quả và cây cam từ hạt giống mà ra, không thể chẻ hạt lấy cam ăn mà phải chôn nó xuống đất, đợi cây lớn khai hoa kết trái rồi mới ăn được.

Đó là luật của vũ trụ, đừng hỏi tôi tại sao. Tôi không biết và cũng chẳng muốn trả lời những vấn đề như Bồ Đề Đạt Ma đến

Trung Quốc làm gì? Tại sao cây cam không sinh ra táo? Tại sao cây lâu lớn vậy? Tại sao phải nở hoa rồi mới kết trái? Những việc này đều không liên quan gì đến tôi. Có cam thì ăn, tôi không muốn tìm hiểu chi cho phiền phức. Đương nhiên chúng ta ai cũng có Phật tánh, nhưng nếu không tu hành thì không thể phát triển được. Chúng ta đều ở trong âm lưu, nhưng nếu không được Minh Sư mở cửa coi như chưa được vào trong.

Vấn: Theo Sư Phụ học Pháp Môn Quán Âm, tùy trình độ tu hành cá nhân mà được dẫn từ thế giới Thứ Nhất đến thế giới Thứ Năm; tới thế giới Thứ Năm mới coi như hoàn toàn giải thoát. Nhưng nếu như có người tâm sân hận quá nặng, dù rằng họ cũng tu Pháp Môn Quán Âm nhưng bị rơi vào cõi A-tu-la, Sư Phụ có cứu họ không?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Có, ở đó cũng có trường học. Mỗi ngày họ đến đó tập nổi giận. (Mọi người cười.)

Vấn: Xin hỏi Sư Phụ, thế giới Thứ Tư là nơi đen tối vô biên, có người dừng ở đó không?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Có. Nếu quý vị ở đó cũng có tôi đến tiếp. (Vây thì tốt quá, biết được Sư Phụ cũng như có bảo hiểm vậy.) Đúng, vĩnh viễn có bảo hiểm, không cần phải trả tiền. Bảo hiểm của tôi là vô lượng vô biên, không thể dùng tiền mua, cho nên tôi chúc mừng quý vị.

Vấn: Con nghe nói Milarepa ăn thịt, đúng không?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Chỉ có một lần thôi. Hôm đó Ngài không có gì để ăn, thợ săn cho Ngài một miếng thịt, Ngài chỉ ăn một nửa, phần còn lại cất vào sau động. Hôm sau Ngài muốn ăn nốt thì thấy có nhiều sâu bọ bám vào, Ngài nói: “Phần thịt này thôi để cúng dường các người.” Hôm Ngài ăn thịt, toàn thân rất là đau nhức. (Lúc đó Ngài chưa thành Phật phải không?)

Đúng, lúc đó Ngài còn tu trong động, tu cả ngày nên ăn thịt một lần còn chịu nổi, Ngài có thể rửa nghiệp chướng rất mau. Chúng ta cả ngày ăn thịt, không tu chi cả (*mọi người cười*), đương nhiên không thể được. Milarepa ở trên núi, tinh thần tinh khiết, nên có ăn một chút thịt cũng không sao (*Nhưng cũng đau đớn mình đấy!*), còn mình thì không thể ăn thịt vì không đủ phước báu.

Vấn: Nghe nói Đại Bảo Pháp Vương cũng ăn thịt?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Họ khác với Milarepa. Nhiều người phù thủy cũng ăn thịt, họ có thần thông không phải là họ đã tu đến mức cao rồi, họ có lực lượng cũng không phải là họ đã cứu cánh giải thoát.

Vấn: Có người nói một số pháp vương của Mật tông tuy ăn thịt nhưng cũng có thể xuất Tam Giới, có thật không?

Thanh Hải Vô Thượng Sư: Họ nói là việc của họ, tôi không muốn bình luận, cũng không nhất định phải đồng ý. Lúc tôi còn tại gia đã ăn chay rồi. Khi còn tu Mật tông tại Đức, có một hôm tôi hỏi một vị Lạt Ma: “Ăn chay tốt hay ăn thịt tốt?” Vị đó đáp: “Ăn thịt không tốt.” Tôi hỏi: “Vậy nhà sư ăn thịt hay ăn chay?” Vị đó đáp: “Ta ăn thịt.” Tôi lại hỏi: “Tại sao?” Vị đó đáp: “Ta ăn thịt từ thuở nhỏ đã quen rồi, không thể sửa đổi được.” Tôi hỏi: “Sao ăn thịt không tốt?” Lạt Ma đáp: “Vì sát hại sanh mạng chúng sinh.”

Tôi đã nói qua lúc nãy, Milarepa là tổ thứ tư của Mật tông cũng ăn thịt, nhưng chỉ có một lần mà thôi. Và lúc đó, Ngài có cảm thán rằng: “*Hôm nay sao ta lại ăn uống như những kẻ phàm phu vậy!*” Nếu như đọc qua truyện của Ngài sẽ biết, mỗi ngày đi xin ăn, đều đem đồ chay về, trong sách có nói rất rõ ràng. Có lần Ngài đến nhà bà cô xin ăn, bà không những không cho còn mắng đánh Ngài. Nhưng rồi Ngài hát một bài cho bà nghe, bà rất cảm động và bố thí rất nhiều đồ chay cho Ngài. Thật ra xưa kia người

Tây Tạng biết rằng tu hành phải ăn chay, nhưng giờ đã biến đổi; tình trạng của các tông phái và tôn giáo khác cũng vậy. Thời xưa, các thiền sư Nhật Bản đều khuyên người ta ăn chay. Có một ngày, một vị thiền sư Nhật giảng kinh cho người xuất gia nghe, Ngài nói: *“Người xuất gia nên trang nghiêm, nên nỗ lực tu hành, xuất gia khác với tại gia. Người tại gia muốn ăn gì cũng được, ăn thịt uống rượu, tu hành loạn bậy. Nhưng người xuất gia tu hành nhất định phải ăn chay, mỗi ngày ăn một bữa.”* Người xưa đều biết rằng tu hành phải ăn chay, Phật giáo lúc mới truyền qua Nhật đã dạy rất rõ ràng và tín đồ đều ăn chay. Nhưng bây giờ thì quá hỗn loạn, tu sĩ Nhật Bản đều được ăn thịt, uống rượu và kết hôn. Tuy còn một số ăn chay bởi vì họ không có tiền.

Có một người Mỹ (*Philip-Kaplean*) đến Nhật Bản học thiền mười ba năm và viết một quyển sách kể lại thời gian tu học tại Nhật. Vị này có đến thăm viếng rất nhiều chùa, thấy họ ăn chay nên rất mừng, nhưng họ lại nấu thịt cho ông ta ăn. Ông hỏi họ: *“Tại sao tôi ăn khác với quý vị?”* Họ trả lời: *“Người Mỹ quen ăn thịt rồi.”* Người đó nói: *“Tôi muốn ăn chay”*. Nhưng những vị hòa thượng ở chỗ khác đem cá thịt đến chùa, ông người Mỹ hỏi: *“Sao hôm nay quý vị lại ăn thịt? Quý vị vốn không ăn chay sao?”* Vị hòa thượng trả lời: *“Bởi vì những hôm đó không có tiền mua thịt cá cho nên mới ăn chay, hôm nay có tiền nên mua thịt. Đôi khi chúng tôi tụng kinh cho người, họ cúng tiền để mua thịt hay cúng dường thịt cá và những thứ khác. Có lúc chúng tôi cũng lấy bánh và đồ chay để đổi lấy thịt.”*

Người Mỹ đó nghe rồi trong lòng kinh ngạc. Lúc đó ông ta mới nghiên cứu Phật giáo, tự mình muốn ăn chay lại được mời thịt dùng mặn nên nói: *“Tôi không ăn thịt, chỉ muốn ăn chay.”* Trong cuốn sách của ông cũng cho rằng người tu hành nên ăn chay và trách người xuất gia ăn thịt không có lòng từ bi. Nghĩ rằng nếu như con người bề ngoài không từ bi như vậy thì nội tâm của họ như thế nào mình có thể suy ra.

Tôi rất tán thán cách nhìn của người đó, tuy rằng ông ta khác pháp môn với mình nhưng rất nỗ lực và tâm rất đơn thuần, không tán thán việc ăn thịt uống rượu và kết hôn. Vị này tuy vẫn mặc áo như một người tại gia nhưng đã tự cho mình là hòa thượng, vì khi ở Nhật đã thọ mười giới làm hòa thượng rồi. Ở Nhật hòa thượng chỉ cần thọ mười giới và nam nữ đều như nhau, tuy họ không phải thọ hai trăm năm mươi giới nhưng vẫn được coi là hòa thượng. Nếu như tu hành bậy bạ, cho dù có thọ hai trăm năm mươi giới cũng không có ích lợi gì. Hiện nay ở Nhật tu hành khác xưa. Có ít chùa vẫn còn tu hành cực khổ, còn các chùa khác đều tụng kinh kiếm tiền, các chùa lớn thì làm lễ kết hôn, làm pháp hội lớn, tung bùng náo nhiệt.

Trong Kinh Lăng Già có nói, nếu như ăn thịt uống rượu quá nhiều sẽ biến thành quỷ dạ xoa, thích ăn thịt người. Giết người cũng như là ăn thịt người, vì đoạt sanh mạng của người khác, lúc ấy người với quỷ có gì khác nhau? Trên thế giới này chúng ta thấy có nhiều nước, mỗi ngày đều có vô số người và loài vật bị giết. Từ quan điểm của Kinh Lăng Già, chúng ta có thể tự hỏi nghiệp chướng có phải vì ăn thịt mà ra? Chúng sanh nào ăn thịt quá nhiều, sau này sẽ sanh vào những quốc gia chiến loạn, thọ lãnh nhân quả của mình.

Nếu ăn thịt nhiều tu hành nhất định không thành. Đã mặc lên bộ đồ của người xuất gia, thọ Bồ Tát giới, phát tâm độ chúng sanh, thế mà ăn thịt uống rượu làm sao được. Đã tạo nhân thì sẽ gặt quả, cho nên mới có những tình trạng bi thảm như ngày nay. Người thường còn dễ tha thứ, đã là hòa thượng càng không nên ăn thịt. Hòa thượng nên hòa bình cao thượng, nếu chỉ xấu một chút cũng không còn hòa bình cao thượng nữa. Đôi khi chỉ có một hai người không tốt, có thể khiến cho cả quốc gia bị ảnh hưởng, vì nghiệp chướng của họ quá nặng.

Ngược lại, các vị đại tu hành có thể ban phước báu cho cả nước. Họ đến đâu, chỗ đó sẽ khác hẳn, đẳng cấp được nâng cao

mà mất phàm phu không thấy được. Các vị đại tu hành mới đến chỗ nào, chỗ đó ban đầu thấy loạn, như cái cọ hay bất đồng ý kiến, v.v... bởi vì ma quỷ không muốn rời đi cho nên lợi dụng người yếu đuối đến làm phiền để cản trở. Nhưng tà không thể thắng chánh, một thời gian sau, họ sẽ được độ thoát, bầu không khí sẽ biến đổi thành hòa bình, lương thiện, phát đạt, dân càng lúc càng nhiều. Chúng ta có nghe nói Phật đến đâu, chỗ đó sẽ có phước báu, là sự thật.

Xưa kia, có một Minh Sư đến giảng kinh, có một người đệ tử không thể đi theo được, mới ở nhà xem tờ lộ trình và bản đồ, một mặt quán tưởng hành trình Sư Phụ của họ. Có một ngày người đệ tử này tọa thiền, thấy hành trình của Sư Phụ họ có nước, nơi đó vốn rất khô, nhưng bây giờ người đệ tử thấy Sư Phụ họ đến nơi nào, nơi đó liền có nước, tuy những nơi khác thì vẫn khô khan. Từ đó chúng ta thấy sức gia trì của một vị đại sư vô lượng vô biên, không thể đo lường được.

Nghe nói xưa kia có những vị đại sư đến những nơi vốn thiếu nước, khi các Ngài đến tự nhiên có nước để uống. Đó là đại phước báu. Trong truyện của Huyền Trang có chép, lúc Huyền Trang đi Ấn Độ, đến một ngọn núi cao có một giòng suối chảy. Theo lời đồn thời xưa chỗ đó không có nước, có một vị hòa thượng theo một đoàn thương gia đến chỗ đó nghỉ chân, nhưng không tìm ra nước để uống, mọi người rất lo lắng và hỏi vị hòa thượng phải làm cách nào đây? Vị hòa thượng này vốn không có tiền, không có thức ăn, sống nhờ vào đoàn người này. Khi họ hỏi: *“Chúng tôi đều rất lo, nhưng Ngài lại tự tại, phải chăng Ngài biết cách tìm nước uống? Hay Ngài biết gần đây có nước uống? Xin Ngài giúp đỡ, chúng tôi gần chết khát rồi.”* Vị hòa thượng trả lời: *“Được rồi, ta sẽ đem nước cho quý vị uống nếu quý vị chịu quy y Phật, Pháp, Tăng, phát nguyện thọ trì năm giới.”* Đoàn thương gia đều đồng ý, quy y và trì năm giới rồi vị hòa thượng mới trèo lên núi và căn dặn: *“Khi ta qua đến bên kia,*

quý vị nên reo to pháp danh của ta, gọi 'Sư Phụ gì.. gì... đó..., xin Ngài giúp cho chúng con, hóa ra nước cho chúng con dùng', nên reo to như vậy mới có nước.” Họ đều làm theo lời, quả nhiên có nước chảy ra. Nhưng họ đợi rất lâu vẫn không thấy vị hòa thượng đó trở về, họ trèo lên núi và phát giác vị hòa thượng đó đã chết mất. Ông đã dùng hết phước báu.

Cho nên thi triển thần thông chưa chắc đã là điều tốt, nhưng có lúc Phật Bồ Tát quá từ bi, không nhẫn tâm nhìn họ chết khát nên mới dùng thần thông biến hóa ra nước cho họ uống. Nhưng bởi vì dùng “*ngã chấp*” để thi triển thần thông, nên phải dùng “*ngã chấp*” để thọ báo ứng. Dùng thần thông một lần mất đi một mạng, như vậy không đáng. Nếu như vị hòa thượng đó còn sống và tiếp tục tu hành thành Phật, thí dụ như truyền Pháp Môn Quán Âm, độ được nhiều chúng sanh. Nhưng bởi vì chúng sanh đều mong cầu vật chất, không lo đến thân của người Sư Phụ sẽ ra sao, kết quả như thế nào, và vị Sư Phụ cũng e dè không nói ra, nên dùng thần thông hóa ra nước rồi chết.





2

Chân Sư Có Lực Lượng Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (1)

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Trung tâm Tịnh Tọa Vô Lượng Quang, Formosa**

Ngày 12 tháng 4 năm 1987

Tôi thường nói Phật A Di Đà chưa phải là cứu cánh, Ngài chỉ là đại diện cho một đẳng cấp hay phẩm chất của Phật. Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như thế, khi tâm từ bi của chúng ta được tu luyện đến viên mãn, chúng ta sẽ chứng được đẳng cấp của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Đẳng cấp của Quán Thế Âm Bồ Tát là gì? Là đẳng cấp mà lòng từ bi đã được phát triển đến viên mãn, có thể nghe tiếng cầu nguyện đau khổ của tất cả chúng sinh. Phật A Di Đà và Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như nhau, các Ngài chỉ là một phần của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật A Di Đà đại diện cho cực sáng, cực tinh, cực mỹ, cho nên chúng ta tán thán tên của Ngài là Amitaba, là Vô Lượng Quang.

Nếu như Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là một địa vị toàn mỹ, thì trong đó Phật A Di Đà chỉ chuyên phóng hào quang dẫn chúng sanh đến chỗ của Ngài để tiếp tục tu hành. Quán Thế Âm Bồ Tát thì chuyên nghe tiếng khẩn cầu đau khổ của chúng sanh. Nếu chúng sanh đau khổ cầu Ngài là Ngài đến, chúng ta chưa chắc thấy được nhưng Ngài dùng lực lượng chiếu đến, tận lực giúp đỡ chúng ta. Đôi khi những việc Ngài giúp không hoàn toàn y theo những gì chúng ta cầu, nhưng Ngài vẫn dùng tận lực để giúp đỡ nên rất nhiều người thích cầu Ngài. Tuy rằng Ngài có lực lượng nhưng những gì chúng ta cầu được chỉ là một phần của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi chúng ta quá đau khổ nên mới cầu nguyện Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, là vì Ngài chuyên cứu khổ cứu nạn.

Nếu ta cầu thấy được Phật, thấy được chỗ xán lạn của chúng ta để cho chúng ta tự biết mình là ai thì phải cầu Phật A Di Đà. Ngài sẽ phóng hào quang cho chúng ta cõi mờ, minh bạch, nhận thức được Phật A Di Đà là chính ở trong ta. Còn Phật Dược Sư thì phóng hào quang giúp cho thân thể của chúng ta được khỏe mạnh, trường thọ, tự tại, v.v... Ngài cũng là một phần của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngoài ra còn những vị Phật khác, thí dụ như Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đại diện cho trí huệ. Nếu chúng ta muốn mở trí huệ, biết kinh điển hay muốn hiểu rõ việc gì, Ngài sẽ trợ giúp cho chúng ta mau hiểu biết. Đại Thế Chí Bồ Tát thì đại diện cho lực lượng lớn, khi chúng ta cảm thấy yếu đuối, không có lực lượng, không có cách để khắc phục nghiệp chướng hay trở ngại, lúc đó chúng ta cầu Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát, sẽ được Ngài ban cho lực lượng.

Các Ngài kể trên đều là một phần của Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu mỗi ngày chúng ta cầu Quán Thế Âm Bồ Tát, lại quên A Di Đà, hay cầu Phật Dược Sư, lại quên Đại Thế Chí Bồ Tát hay Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Cứ cầu tới cầu lui mà vẫn còn thiếu sót nhiều Phật, lực lượng, phẩm chất Phật khác, làm sao đây?

Nếu như chúng ta có thời giờ, đôi khi còn niệm danh Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật Dược Sư, Đại Thế Chí Bồ Tát, hay Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, v.v... Nhưng đa số không có nhiều thời giờ, huống chi khi niệm Phật A Di Đà, không những chỉ niệm danh hiệu của Ngài mà còn niệm chú vãng sanh; khi niệm Phật Dược Sư, còn phải niệm chú Tiêu Trừ Tai Nạn Duyên Thọ; Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng nhiều chú và nguyện của các Ngài. Nếu như chúng ta muốn tán thán từng vị một thì vĩnh viễn làm không xuê.

Hơn nữa, khi chúng ta cầu nguyện, nhất định phải thành tâm, thành ý mới linh ứng, nhưng rất khó. Thí dụ chúng ta cầu nguyện năm phút có thể chỉ có một giây được thành tâm hay ngay cả một giây cũng không có. Cả ngày chạy lung tung ở ngoài làm ăn, rồi vợ, chồng, con không cách nào chuyên tâm cầu nguyện cho nên cầu nhiều nhưng không cảm ứng được bao nhiêu.

Hàng ngày chúng ta quá bận rộn, không để gì làm cho tâm viên ý mã lắng đọng, muốn nó ngừng mà nó cứ động. Cũng như xe gắn máy hay máy bay đang di chuyển, muốn ngừng cũng phải cần một khoảng thời gian mới dừng hẳn. Nhưng ý niệm của chúng ta chưa kịp ngừng, lại bắt đầu làm việc khác, nên vĩnh viễn không thể ngừng được. Thời giờ có hạn, vì quá bận rộn nên đôi khi còn không có thời giờ để ăn cơm, ngay cả lúc ăn cơm cũng phải suy nghĩ, cũng có điện thoại làm phiền. Những người buôn bán đều như vậy cả, họ mời khách đi ăn là để làm thương mại, vừa ăn vừa bàn việc.

Minh có cái thân còn lo chưa xong, nói chi đến cái “*linh thể*” (*trí huệ, linh hồn*). Thân thể có cảm giác, thấy và sờ mó được mà có những lúc nó đau bệnh chúng ta còn chưa chăm sóc nó đàng hoàng thì làm sao chăm sóc cái linh thể hoặc trí huệ đây? Cho nên đòi đòi kiếp kiếp tìm không ra được Phật Tánh, nhìn không ra chỗ tối cao xán lạn, có lực lượng tốt cùng của chúng ta. Đòi đòi kiếp kiếp bị luân hồi, bị thế giới này và các thứ vật chất ràng buộc. Cầu Phật Bồ Tát cũng không có hiệu nghiệm vì chúng ta

không có chuyên tâm cầu nguyện, ngoại trừ tình trạng khẩn cấp may ra cầu còn có một chút cảm ứng.

Tại sao như thế? Bởi vì những lúc chín măt một cùn, không còn đường để chọn lựa nên đành bỏ quên mọi việc trên thế gian mà chỉ cần cứu mạng, cầu nguyện với lòng thành nên có một chút cảm ứng.

Thông thường khi chúng ta cầu nguyện đều chú trọng ngoại biểu mà quên hẳn nội tâm. Nhìn bức tượng Phật mà cầu giúp đỡ nên không thấy hiệu quả. Thật ra phần đông cảm ứng đến dưới trạng thái không có tượng Phật. Thí dụ như lúc bệnh nằm trên giường, mắt nhắm lại cầu Quán Thế Âm Bồ Tát lại có cảm ứng, không nhất định phải đến chùa nhìn tượng mới được cảm ứng.

Vì cảm ứng không phải đến từ tượng Phật gỗ, làm sao gia trì cho chúng ta? Vốn chỉ là một miếng gỗ được đẽo khắc thành tượng, nó không những không giúp ích mà còn cản trở không để cho chúng ta “*phản văn văn tự tánh*”, làm cho ta bỏ tâm bên ngoài, trên tường gỗ, hướng ngoại tìm cầu.

Mọi cảm ứng đều đến từ nội tâm, Phật ở trong ta, cũng như Thượng Đế ở trong ta. Giê-su Ki-tô nói: “*Thiên Quốc ở trong các ngươi*”, Phật Thích Ca Mâu Ni nói: “*Phật tại tâm*”, vậy mà chúng ta không chịu cầu bên trong, lại đi cầu tượng Phật ở bên ngoài, như thế làm sao được? Cho nên đến chùa cầu Phật không có linh ứng nhiều bởi vì chúng ta bỏ tâm bên ngoài, không “*phản văn văn tự tánh*”.

Giả sử như chúng ta có thời giờ, mỗi ngày đều cầu nguyện tất cả các vị Phật vẫn không có lợi ích vì tâm vọng ngoại. Cho dù tượng Phật biến thành người sống cũng vẫn là giả vì Phật từ gỗ mà ra, sao có thể thành Phật được? Từ một thân thể con người hiện ra Phật, còn chưa dám tin, nói chi đến từ khúc gỗ? Phật như thế đều là ảo tượng, không phải là thật.

Sao lại nói rằng tượng Phật không thể giúp chúng ta, lại còn ràng buộc? Bởi vì nó làm cho tâm hướng ngoại, nên tìm không ra

minh. Thí dụ đầu của tôi đang đội mũ, nhưng suốt ngày cứ ngó ra ngoài nên không thấy mũ đâu, quên mất rằng mũ vẫn nằm trên đầu. Ngoại cảnh đã không giúp được tôi tìm mũ, còn lồi cuốn nhãn quang ham nhìn ngắm khiến cho tôi quên mất là nó đang ở trên đầu và quên ngó lên coi có đội mũ hay không. Thí dụ khác, có người đeo mắt kính, họ cầm kính trên tay mà đi hỏi người khác có thấy kính của họ hay không. Nếu như có người nói cho họ biết: “Kính nằm trên tay đó,” thì họ mới sực tỉnh: “*Ta sao lãng trí quá!*”

Cùng một ý đó, nếu ta muốn tìm được mình, hay muốn cầu Phật đều không nên bỏ tâm ở bên ngoài. Nếu như tâm hướng ra ngoài tức là ngoại đạo, bởi vì đạo ở bên trong, Thiên Quốc ở bên trong, Phật trong tâm; có muốn tìm nên hướng vào trong mà tìm. Nói là bên trong, nhưng thật ra cũng không phải là bên trong, vì không có ngôn ngữ thích hợp để diễn tả, nên tạm gọi là bên trong. Quý vị đừng lầm là trong bụng hay cơ quan nào khác.

Vì sao tôi phải nói là bên trong? Bởi vì chúng ta hay ngó tới ngó lui, đều là nhìn bề ngoài, bây giờ phải xoay đầu nhìn lại mình nên mới gọi là bên trong. Nếu đã quen nhìn tượng Phật, sau này sẽ không dễ gì thay đổi, vì không thấy được tượng Phật, không chịu nổi.

Cũng như một cặp vợ chồng sống với nhau mấy chục năm đã quen rồi. Có một ngày một trong hai người bỏ đi, tâm của người còn lại sẽ rất đau khổ. Nếu như chúng ta đã quen sống một mình thì có một hay nhiều người đi hay đến cũng không ảnh hưởng hay làm cho ta đau lòng được. Giống như vậy, nếu như chúng ta không quen vọng ngoại, muốn nhìn vào trong rất dễ. Còn nếu đã quen nhìn ngắm ngoại cảnh, muốn xoay đầu tìm tự tánh bên trong thì khó vô cùng.

Tu hành cũng vậy, nếu chúng ta đã để “*tâm*” tập trung tại một điểm nào đó rất thấp, sau này muốn sửa lại để tập trung nơi trung tâm tối cao rất là khó. Cho nên không tu thì thôi, còn nếu

tu thì phải chọn pháp môn tối cao. Nếu không gặp được Minh Sư thì tốt nhất đừng có tu, còn không thì càng tu càng mệt, rốt cuộc sẽ biến thành chướng ngại. Bởi vì khi đã quen đê tâm tại bộ phận thấp, cần trải qua một đoạn thời gian huấn luyện mới có thể sửa đổi. Đối với những người chưa tu pháp môn nào, họ rất dễ xoay vào trong tim Phật Tánh. Vì vậy nếu tu bất cẩn sẽ biến thành chướng ngại.

Nhiều người thích tu nhiều pháp môn khác nhau, đa số cũng đạt được thần thông, nhưng những loại thần thông đó dễ dẫn dắt chúng ta vào con đường tà đạo. Cứ bận dùng thần thông sẽ làm cho quên đi cái mục đích cứu cánh giải thoát, cho nên tu để đạt thần thông không có ích lợi, lại còn có hại.

Chúng ta thường nghe nói có người có thần thông trị bệnh, biết được đời quá khứ, hiện tại, vị lai của con người, hay là thi triển bùa phép rất nổi tiếng. Thật ra không có gì hay, tôi chỉ cảm thấy những người đó rất tội nghiệp, không những không được giải thoát còn tạo rất nhiều chướng ngại. Trải qua thời gian rất lâu vẫn chưa giải thoát được vì bị thần thông trong Tam Giới giữ lại, không bỏ được nên không thể giải thoát, vì nếu mê thần thông, thì rất khó tu hành pháp môn cứu cánh. Như trẻ em mê đồ chơi quá, bỏ học hành, không tiến cao được.

Khi trẻ con thấy kẹo muốn ăn, ăn quá nhiều rồi không ăn được cơm, không những bị đau răng mà thân thể lại không đủ dinh dưỡng. Cũng như đứa bé thích ngậm núm vú, khi không có, nó sẽ mút tay, càng ngày ngón tay càng teo lại, xấu xí và yếu đi. Cha mẹ của nó phải huấn luyện rất lâu mới có thể bỏ đi cái tật đó. Nó vốn không cần phải bị sự huấn luyện này vì ngón tay dùng để viết và làm việc, không phải để mút nhưng đã trở thành thói quen mà quên đi công việc chính của nó, nên phải cải cách lại.

Thêm một thí dụ nữa, đứa bé nghe tiếng rao bán cà-rem, tâm bị lôi cuốn nên chạy ra xem cho dù không mua. Mẹ nó đã dọn cơm nhưng đứa bé không muốn ăn, ăn vụng và ăn quà vặt đối với

nó có sức hấp dẫn hơn là bữa cơm chính. Trường hợp của thần thông giống như ăn vụng hoặc ăn vặt vậy!

Các thứ thần thông đó không có nằm trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các vị đại sư tuy có thần thông tối cao, nhưng khi họ dùng, không ai có thể thấy được, không phải để cho người ta biết được “ta” có thần thông. Cốt yếu chỉ để cứu chúng sanh, giúp họ thoát ly sanh tử mới dùng đến thần thông, chứ không dùng để chữa bệnh nên khác hẳn với loại thần thông bình thường. Nếu muốn dùng thần thông, trước hết hãy đạt được đẳng cấp của Phật Bồ Tát rồi mới dùng, còn không thì chỉ toàn là thần thông của ma, đều là ảo tưởng và trò chơi con nít cả.

Trí óc của chúng ta có rất nhiều lực lượng, đầu óc mà tôi gọi là “mind” (trí óc), không phải là tim. Bất cứ tu pháp môn nào, hề từ “mất trí huệ” trở xuống đều nằm trong phạm vi của trí óc này, là tu tà đạo không phải Phật đạo. Thật ra gọi là tà đạo cũng không đúng, chỉ vì trong vũ trụ nó thuộc về đẳng cấp rất thấp, thứ thần thông nhỏ đó mới nhìn thì tưởng là đại thần thông, nhưng thật sự thì hoàn toàn khác hẳn.

Trẻ con có ngũ quan và hình dạng như người lớn, nhưng nó không thể làm việc của người lớn. Sức của trẻ con có hạn, nó không biết lái xe, chỉ lái thứ xe đồ chơi mà cảm thấy tự mãn, cũng biết đọc sách nhưng chỉ đọc sách dành riêng cho trẻ em, cũng biết viết nhưng chỉ viết được một số chữ thôi, cho nên chúng khác với người lớn.

Thần thông của trí óc nằm trong Tam Giới, còn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ngoài Tam Giới. Loại thần thông nhỏ chỉ buộc chúng ta trong Tam Giới, còn thần thông của các vị đại sư là thần thông của A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, tối cao người thường không thấy được, sờ được, đoán được. Khi các vị đại sư dùng thần thông, không ai có thể biết được cho dù có thiên nhãn, người phạm cang không thể biết được.

Nếu dùng thần thông mà phạm phu có thể thấy được thì xét đoán ra đó không phải là thần thông cao. Xe hơi đồ chơi của trẻ

em tuy có hình dạng như xe thiết nhưng năng lực khác xa vì nó nhỏ quá không có ích dụng.

Các vị đại sư có đủ các thứ thần thông của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhưng họ không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì họ có lực lượng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứ không trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng ta có thể nói rằng họ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và ngược lại có thể nói là không phải, bởi vì hễ còn xác thân này là không phải Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhưng trong thân lại chứa đầy lực lượng của Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật Dược Sư, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, v.v... đều là của họ hết. Cho nên có thể nói là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác làm việc qua xác thân của họ.

Thông thường chúng ta hay cầu từng vị một, như cầu Phật A Di Đà, nhưng bởi vì không thấy được Ngài, trí óc của chúng ta không thể nhận thức được nên không thấy cảm ứng. Chúng ta cũng không thấy được Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật Dược Sư và các vị thánh nhân khác nên có cầu cách mấy cũng không có cảm ứng nhiều. Nhưng nếu như có người đại diện các Ngài đến thế giới Ta Bà này, chúng ta sẽ cầu thông được với các Ngài.

Loài người cũng vậy, nếu quen, khi nào muốn ta chỉ nhắm mắt là có thể quán tưởng đến người đó ngay, còn đối với người lạ làm sao có thể tưởng tượng được. Và không thể chuyên tâm được. Mà không chuyên tâm thì không có cảm ứng. Cho nên cần phải có một người đại biểu Phật Bồ Tát đến đây. Khi ta muốn cầu Phật Dược Sư liền nhớ đến người này, và tự nhiên thu hút được lực lượng của Phật Dược Sư vào thân thể, khỏi bệnh.

Cho nên nếu cần chữa bệnh, cầu vị Minh Sư tại thế đại biểu cho Phật Dược Sư mới có hiệu quả, bởi vì trong thân của người đó chứa đủ các lực lượng. Khi ta gặp khó khăn, chỉ cần cầu người đó, sẽ được ban cho lực lượng của Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc

thu hút được lực lượng của Quán Thế Âm Bồ Tát từ người đó. Vị Minh Sư cũng là con người giống như ta và đã quen biết nên dễ tưởng nhớ đến, dễ giao cảm. Chúng ta chỉ cần cầu vị Minh Sư đó sẽ được toại nguyện.

Khi chúng ta đau khổ, cần hấp thụ lực lượng từ bi của Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu muốn khai ngộ, cần có ánh sáng nên hấp thụ ánh sáng của Phật A Di Đà. Muốn có trí huệ, cầu Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Muốn có lực lượng giúp người, hấp thụ lực lượng của Đại Thế Chí Bồ Tát. Chúng ta chỉ cần cầu có một người, nhưng cầu gì đều có đó. Có người nói tôi chữa bệnh cho người ta, nhưng sự thật tôi không chữa vì tôi không dùng thần thông chữa bệnh. Nhưng vì một vị Chân Sư có đủ các lực lượng, chỉ cần mình cầu xin, lực lượng tự nhiên đến mà tôi không cần động tay cũng không cần biết thần thông. Tôi đã nói rồi, biết thần thông cũng như trẻ em chơi đồ chơi mà thôi.

Thần thông của một vị đại sư không thể gọi là thần thông, nó là loại phép gia trì tối cao, cứu người nhưng không cứu người (*không phải kiểu thường*). Có người khi tọa thiền thấy tôi là Lục Tổ Huệ Năng, hay là Bồ Đề Đạt Ma, Phật Thích Ca Mâu Ni, Đại Thế Chí Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát, Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát... Thật ra tôi chỉ là một người nhưng mỗi người thấy khác nhau. Không phải tôi hóa thành Quán Thế Âm Bồ Tát với người này, thành Phật A Di Đà với người kia, mà là lực lượng toàn vẹn của Sư Phụ bên trong hóa ra, nên mọi người chỉ thấy được một phần nhỏ của lực lượng đó mà thôi. Khi họ thấy được phần nào, nói tôi là vị đó; họ không thấy được tôi nguyên vẹn, chỉ thấy được một phần nhỏ như tai hay tay, còn chân, đầu và những bộ phận bên trong họ vẫn chưa thấy được.

Đó là lý do tại sao chúng ta phải tìm một vị Đại Sư. Vị Đại Sư đó có đủ các lực lượng, Ngài không cần làm gì mà chúng ta muốn gì được đó. Ngài có lực lượng toàn mỹ, nên tất cả đều tự nhiên như vậy. Một đóa hoa không cần cho ta mùi thơm mà tự

nhiên nó thơm, vì tự nó là mùi thơm. Cây trầm cũng không cần phải phát ra mùi hay được ta làm gì nó mới thơm, tự nó thơm. Nước hoa hay dầu thơm cũng vậy, ta mới ngửi liền cảm thấy thơm, không cần bảo nó thơm đi, nó cũng thơm mà không phải suy nghĩ.

Nước suối không cần phải phát ra tiếng reo lớn, để bảo cho chúng ta biết nó là nước, cũng không có ý niệm cho chúng ta nước uống, nó tức là nước. Chúng ta muốn uống thì đến uống, nước không cần phải mời hay để ý đến chúng ta, chỉ cần tìm ra nước thì cứ uống.

Cũng như vậy, muốn cầu Quán Thế Âm Bồ Tát nên tìm vị Phật tại thế. Vị đó sẽ mang lực lượng của Quán Thế Âm Bồ Tát đến cho chúng ta. Cầu Phật A Di Đà cũng nên tìm vị đại sư đó, vì ngài sẽ dẫn lực lượng của Phật A Di Đà đến. Cầu Phật Dược Sư cũng phải tìm vị đó, vì trong túi của vị đó có lực lượng của Phật Dược Sư. Thí dụ trong chợ có bán tất cả mọi thứ, muốn mua đậu hũ, thuốc hay các món khác đều có. Dĩ nhiên nếu đến tiệm đậu hũ cũng mua được đậu, nhưng mua ở chợ có mọi thứ khác nữa nên rất tiện.

Khi ta cầu Phật Bồ Tát, chỉ cầu được một bộ phận mà thôi, nếu muốn cầu toàn bộ, tốt nhất nên tìm vị Chân Sư tại thế có đầy đủ các sức gia trì. Giả sử có người chỉ cầu tâm từ bi hay thoát khỏi đau khổ, đương nhiên có thể cầu Quán Thế Âm Bồ Tát, còn vấn đề có cảm ứng hay không thì phải coi quý vị có thành tâm hay không. Muốn cầu sanh cõi Tây Phương cũng có thể cầu Phật A Di Đà và có được sanh nơi đó hay không, cũng là chuyện khác nữa!

Nếu chúng ta có thể tìm được một vị có tất cả lực lượng của Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, v.v... thì an toàn hơn, vì vị đó không trốn đi đâu ngoài thế gian này. Khi chúng ta cầu Phật A Di Đà hay Quán Thế Âm Bồ Tát, không thể thấy được các Ngài lại không biết các Ngài có đến giúp không. Còn vị Minh Sư có

đầy đủ các lực lượng của Bồ Tát sống trước mắt, chúng ta thấy được và quen biết được nên Ngài có muốn trốn cũng không thoát, vì vậy chúng ta mới có chỗ nương tựa, an toàn. Muốn cầu Phật Bồ Tát nên tìm những người như vậy, vì họ là đại biểu của Chư Phật Bồ Tát, được lực lượng của các Ngài ban cho. Cũng như có người tội phạm sắp bị tử hình, trong giây phút cuối quốc vương sai cận vệ đem lệnh xá tội, nên không ai dám xử tội hay nói lời nào. Người đem lệnh dĩ nhiên không phải là quốc vương nhưng người đó có lệnh, đại diện cho uy quyền và lực lượng của quốc vương nên mọi người phải phục lệnh, cả tội nhân cũng nhờ lệnh mà được thoát chết.

Muốn cứu tội nhân, nên tìm người có lệnh ân xá của quốc vương mới kịp, bởi vì không biết quốc vương ở đâu mà tìm. Nước xa không thể dập tắt lửa gần, nếu đợi cho quốc vương đến thì đã quá trễ vì đoàn người hộ tống đi rất chậm, nên mới phải có một người đem lệnh vua mới được mau lẹ hơn. Tuy rằng người cầm lệnh không phải là quốc vương nhưng đại biểu cho quốc vương đến cứu người, coi như có uy quyền của quốc vương.

Vị Chân Sư tại thế cũng vậy, tuy không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng có đủ lực lượng của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ban cho vị đó phẩm chất và uy quyền, nên Ngài có thể cứu bất cứ người nào. Khi tôi nói: *“Phật không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng Phật cũng là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”*, mới nghe rất mâu thuẫn, không biết quý vị đã hiểu chưa?

Học trò của tôi khi thiên thất đều thể nghiệm được lực lượng của mình càng lúc càng phát triển, càng ngày càng nhiều. Lực lượng từ đâu đến? Thí dụ có một nhà phát điện, chỉ một sợi dây tiếp nối là toàn quốc có thể sáng, nấu cơm, đun nước, xem tivi đều được. Đường dây càng lớn, điện dẫn càng nhiều nhưng nếu dây quá nhỏ mà dùng điện nhiều quá dễ bị cháy. Nếu như dây

điện lớn dẫn luồng điện mạnh thì sẽ làm được nhiều việc. Thí dụ nguồn điện có thể cung cấp cho toàn quốc thì điện lực của dây điện có thể cung cấp cho xóm làng. Nếu như không biết dùng điện, dù có điện lực cũng không ích lợi gì, nhà cửa vẫn tối tăm, vì không có dây dẫn điện. Mỗi ngày có ngòi cầu, điện lực cũng không thể phát cho chúng ta xài được.

Đại đệ tử của một vị Chân Sư đến nơi nào, nơi đó sẽ có sức gia trì, vị đại đệ tử mới đến, chỗ đó liền đổi khác. Người đệ tử đã có lực lượng như vậy, nói chỉ đến Sư Phụ của họ. Cho nên bất cứ chúng ta học gì, phải biết có kết quả hay không, chứ không phải mù mờ bắt chước theo người ta niệm Phật, niệm chú, tu mật, tu thiền, chỉ tốn phí thời giờ mà thôi. Đệ tử theo tôi học không bao lâu cũng có lực lượng gia trì nên tự họ cảm thấy pháp môn này hữu dụng, cảm ứng được là pháp chân chính. Nếu không, làm sao biết được công đức và sức gia trì của pháp môn này?

Thí dụ chúng ta làm việc cả mấy tháng mà chưa được trả lương thì làm sao chúng ta biết được là người chủ có tiền hay không? Nói là có tiền mà không phát lương, người ta gần chết đói mà vẫn chưa được trả tiền, như vậy đâu phải là chủ? Toàn là gạt người, biết đâu người chủ cũng sắp chết đói. Nếu cả hai bên đều nghèo mà ta còn xem họ là chủ thì có phải là khờ dại lắm không? Muốn làm chủ nhân phải có vốn, mỗi tuần hoặc mỗi tháng đều phải phát lương để cho chúng ta sinh sống. Nếu như cứ bảo chúng ta cố gắng làm việc mà không trả tiền, thì còn kính nể và gọi họ là ông chủ để làm gì?

Muốn nhận định một người là Sư Phụ, đáng được tôn kính thì phải biết lực lượng của người đó, và họ cũng có thể cho mình ít nhất ban đầu một chút lực lượng, như vậy mới có tư cách làm thầy của chúng ta. Vì trí huệ của họ nhiều hơn ta, đẳng cấp cao hơn, lực lượng lớn hơn nên chúng ta mới tôn người đó làm thầy. Không phải nghe người nào tự xưng là thầy, liền cúi đầu đánh lễ, quy y theo học. Rồi họ không thể cho mình cái gì hết, vẫn luân

hồi, sanh tử, vô minh, thầy trò đều chịu khổ trong Tam Giới, như vậy tôn họ làm thầy để làm gì?

Khi ta gọi một người là **Sư Phụ**, nghĩa là tôn xưng vị đó làm thầy, đồng thời cũng là cha, vì vị đó có thể dạy dỗ chúng ta và như cho chúng ta một sanh mạng. Cho nên một vị Minh Sư có thể ban cho chúng ta một “*đời sống chân chính*”, không để cho chúng ta phải đời đời kiếp kiếp luân hồi. Đó mới là một vị “*Minh Sư chân chính*”. Không phải cạo đầu là có thể làm thầy, để cho người ta tôn kính cúng dường, thầy như vậy chỉ là một thứ tên để xưng hô chứ không có lực lượng thật của một vị Chân Sư.

Tôn xưng “*Thầy*” là vì vị đó có thể dẫn chúng ta giải thoát, chỉ cho chúng ta tìm được “*Sư Phụ*” của mình (*hay là Chủ Nhân, Chân Thể, Bản Lai Diện Mục*). Tôn xưng “*Cha*” là vì vị đó như người cha, sanh trở lại “*Chân Thể*” của chúng ta, để cho chúng ta vĩnh viễn không chết. Người cha phạm phu của chúng ta còn tối thiểu có thể cho chúng ta nhục thể. Còn người thầy tâm thường không thể cho chúng ta cái gì cả, không cho được nhục thể, càng không thể cho được chân thể. Họ còn chưa tìm được chân thể của họ làm sao có thể cho người khác? Những người thầy đó không phải là Chân Sư, quý vị hiểu rõ chưa?





Một vị Minh Sư có thể ban cho chúng ta một “đời sống chân chính”,
không để cho chúng ta phải đời đời kiếp kiếp luân hồi.

Đó mới là một vị “Minh Sư chân chính”.

Trích từ bài thuyết giảng “Chân Sư Có Lực Lượng
Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”



3

Chân Sư Có Lực Lượng Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (2)

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Trung tâm Tịnh Tọa Vô Lượng Quang, Formosa**

Ngày 19 tháng 4 năm 1987

Quý vị có biết Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là gì không? Nếu giáo dân của Thiên Chúa giáo không thích hay không quen với danh từ của Phật giáo thì có thể dùng danh từ “*Thượng Đế*” để thay thế, còn Lão giáo gọi là “*Đạo*”. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiếng Phạn là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, trong tâm kinh gọi là Bát Nhã Ba La Mật Đa. Tiếng Phạn của Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa là MAHA PRAJNA PARAMITA. Bây giờ tôi nói Phật không phải là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhưng Ngài cũng là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tôi nói Phật tức chỉ Phật tại thế, không phải Phật cõi Tây Phương, tuy nhiên Phật cõi Tây Phương và Phật tại thế đều không phải là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bởi vì trước đây tôi đã nói rồi, một vị Phật tại thế có đủ các phẩm chất trong thân, có Phật

hiện tại, quá khứ, vị lai, thập phương tam thế chư Phật, các Bồ Tát, các Long Thần Hộ Pháp và tất cả các lực lượng siêu phàm. Ngài muốn cứu người nào liền có thể cứu ngay, không cần biết người đó đã được truyền Tâm Ấn hay chưa.

Truyền Tâm Ấn là gì? Chúng ta gọi tắt là “*án tâm*”, tức là khi truyền pháp môn tối cao này giúp cho “*mắt trí huệ*” hay “*Phật nhãn*” mở ra. “*Phật nhãn*” nằm tại đây. (*Thanh Hải Vô Thượng Sư chỉ vào mắt trí huệ.*) Phật tử đều biết giữa trán của Phật Thích Ca có một chấm đỏ, điểm đỏ thể hiện cho Phật nhãn hay con mắt thứ ba. Các vị Tổ Thiên tông thời xưa thường nói: “*Như Lai ‘Chánh Pháp Nhãn Tạng’ từ Ma Ha Ca Diếp truyền xuống,*” là lý do đó. Nhưng ngày nay đa số đều không biết, tuy rằng có rất nhiều pháp môn tu hành nhưng đều không có liên quan gì đến “*Nhãn Tạng*”. Hình như chánh pháp nhãn tạng đã bị thất truyền vậy.

Trong Thánh Kinh có nói: “*Nếu như mắt của người biến thành một, toàn thân của người sẽ rất sáng.*” Ấn Độ giáo cũng có nói đến con mắt trí huệ, theo tiếng Phạn gọi là TISRA TIL. Thật ra tất cả các tôn giáo vốn đều như nhau. Khi họ tu đến một đẳng cấp nào đó thì họ bắt đầu đi hoằng pháp, nhưng vì đẳng cấp của họ khác nhau nên phải coi công lực tu hành của họ mà định, chứ không phải họ tu khác pháp môn. (*Quý vị xem lại quyển Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ, Hiện Đòi Giải Thoát, Quyển 1, Chương 8.*) Tôi không muốn phân tích ở đây đẳng cấp của các vị tu hành thời xưa cao hay thấp, nếu muốn biết, ta chỉ cần đọc sách giáo lý của họ là có thể phán đoán ngay.

Trong lúc thiền thất, tôi có nói khi Lục Tổ Huệ Năng lãnh y bát đẳng cấp của Ngài đã tới đâu rồi, những người đến thiền lúc đó đều rõ, chúng ta chỉ cần đọc bài kệ Ngài làm là biết được đẳng cấp của Ngài.

Ngày xưa các vị thiền sư khi khai ngộ hay có thể nghiệm, họ liền viết xuống, thầy của họ chỉ cần đọc một lần là biết trình

độ của họ đến đâu. Khi chúng ta thọ pháp rồi cũng vậy, có thể nghiệm phải viết xuống để tôi biết được đẳng cấp của quý vị. Có sao viết vậy, vì người tu hành không nói dối, nếu như phạm giới sẽ như thế nào? (*Học trò đáp: “Xuống địa ngục.”*) Phải! sẽ xuống địa ngục. Nói dối, tức là “*chưa thấy chứng nói chứng*”, mình chưa đạt đến đẳng cấp đó mà nói đã được, chưa thấy “*thầy bên trong*” hay “*Phật Bồ Tát*” mà nói đã thấy. Đó là gạt người, là đại vọng ngữ, phạm tội rất nặng, phải đọa vào địa ngục. Cho nên người tu hành không thể nói dối.

Tuần trước, tôi nói Phật tại thế là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hôm nay nói thêm. Cũng có người gọi đó là “*Thượng Đế*” hay “*Đạo*”.

Bây giờ, tôi vẽ một vòng tròn, trong đó có hai phần, một tối một sáng, khác hẳn nhau. Chúng ta quan sát vũ trụ sẽ thấy rõ, có ban ngày, ban đêm, có người tốt kẻ xấu, có Thiên Đàng, địa ngục, có chỗ đẹp, chỗ xấu, v.v... và tất cả đều từ “*Đạo*” này mà ra, từ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đại trí huệ này đến. Nếu không phải từ đó thì từ đâu?

Giả sử có một vị Thượng Đế, tất cả những vật kể trên đều do Ngài tạo ra nên phải nói Ngài rất tốt và cũng rất xấu. Ngài làm Thiên Đàng cho người hưởng hỷ lạc, cũng tạo ra địa ngục để trừng phạt người. Thế giới Ta Bà này cũng từ Ngài mà ra, ở đây cũng có lúc chúng ta thấy rất hỷ lạc nhưng thời gian vui vẻ thì ít mà đau khổ thì nhiều. Cho nên A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vốn có tốt có xấu. Trong hình Thái Cực của Đạo giáo cũng có nửa đen nửa trắng, bên đen có chấm trắng, bên trắng có một chấm đen là nghĩa như vậy.

Đen và trắng tượng trưng cho âm dương. Mặt đen tối dơ bản là âm, nghiệp chướng nặng nề, rất đau khổ và đầy sự áp lực. Dương tượng trưng cho sự đẹp đẽ, sáng tươi, nhẹ nhàng, hỷ lạc, tự tại. Thật ra lực lượng tốt hay xấu đều đồng một ý, nên chúng ta

đừng tranh luận tôn giáo nào tốt hơn. Chúng ta nên tu hành, đấng cấp khá rồi mới hiểu được vì sao phải có âm dương.

Bất cứ người nào có được chìa khóa thần bí, có thể giúp chúng ta mở chỗ bí mật của vũ trụ, chỉ dẫn chúng ta đạt được trạng thái âm dương quân bình, không cần biết vị đó theo Phật giáo hay Thiên Chúa giáo, Đạo giáo cũng được, có được năng lực này tức là Đại Đạo Sư.

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vốn không có gì tốt, vì đã tạo ra địa ngục và tình trạng xấu cho chúng ta đọa vào. Rất có thể chúng ta vốn không thích tới thế giới Ta Bà này, nhưng nó lại đưa chúng ta đến đây. Có một số người không muốn đầu thai làm người, nhưng khi chào đời có ai hỏi ta có muốn được sanh ra hay không? Vũ trụ này đương nhiên có nhiều nơi rất đẹp, rất vui nhưng cũng có nơi rất đau khổ, có sanh, lão, bệnh, tử. Những trạng thái đó đều do A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tạo ra.

Bất cứ tôn giáo nào cũng đều nói Đạo sanh ra vạn vật trong vũ trụ, Thánh Kinh gọi đó là “*Thượng Đế*”. Phật Thích Ca Mâu Ni dùng những danh từ như “*A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”, “*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” hay là “*Đại Trí Huệ*”, “*Lực Lượng Tối Cao*” đều chỉ là một thứ. Vì sao gọi là đại trí huệ, vì nó biết hết mọi việc, phạm văn là MAHA PRAJNA PARAMITA là hoàn mỹ, tức là trí huệ rất lớn, rất hoàn mỹ.

Trí huệ này có thể tạo Thiên Đàng, cho nên tốt hay xấu cũng từ đó mà ra, vậy thì nó có tốt không? Bởi vì chúng ta đều thích vui, sợ khổ, không ai thích địa ngục và thật sự có địa ngục. Nó sẽ không hỏi chúng ta có thích hay không mà đã tạo một cái đơi sẵn ở đó, chỉ chờ chúng ta sợ ý là rơi vào.

Nếu quý vị đọc qua Kinh Địa Tạng sẽ thấy, Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát nói: “*Người trên cõi Ta Bà mỗi một niệm đều tạo rất nhiều nghiệp chướng, không có một niệm nào ngừng.*” Phải làm sao đây? Có phải chúng ta sanh ra để chú định về hướng địa

ngục? Nếu mỗi niệm đều tạo nghiệp chướng, không lẽ chúng ta vĩnh viễn không thể giải thoát?

Trong Thánh Kinh cũng có nói là khi chúng ta mới sanh ra là đã có tội của tổ tông rồi, vậy thì bao giờ chúng ta mới được giải thoát? Tội của tổ tông là nghĩa gì? Phật giáo gọi là nhân quả luân hồi. Tổ tông là tiền thân của chúng ta, vì đời trước đã tạo nghiệp nên bây giờ sanh ra để nhận quả báo. Trong Thánh Kinh còn nói: *“AS YOU SOW, SO SHALL YOU REAP.”* *“Trồng nhân gì thì được quả đó.”* Đa số những người Thiên Chúa giáo nghĩ rằng chỉ có Phật giáo mới nói về nhân quả luân hồi, nhưng thật ra trong Thánh Kinh cũng có nói rất rõ: *“Trồng nhân gì thì được quả đó”*, nghĩa là luân hồi. Khổng Tử cũng có nói: *“Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”*, bất cứ việc gì nếu mình không thích thì đừng làm cho người khác, như vậy sẽ tránh được những tình trạng không ưa thích đó, cũng là giáo lý của nhân quả.

Sự thật là tôn giáo nào cũng có nói đến luật nhân quả, có tôn giáo nhấn mạnh, có tôn giáo không nói rõ lắm. Trong một đời người khó thấy được nhân quả, cho nên có nhiều người thắc mắc hay hỏi tôi, vì sao có người cả đời tạo ác nghiệp, không bố thí, không tin tôn giáo, cũng không có thầy, nhưng suốt cuộc đời đều giàu sang, thông thả.

Có vài đệ tử đi theo tôi kiếm đạo tràng, vì nhà thuê đã bị người chủ bán, nên than phiền: *“Su Phụ ơi, họ xấu như thế, dùng bẫy bắt chim, giết gà, giết heo, mà lại ở chỗ lớn, đẹp và sang, còn chúng ta là người tu hành mà cả chỗ ở cũng không có.”*

Thật ra những thứ đó chỉ là phước báu nhỏ mà thôi, nếu ngày mai lửa cháy nhà, cháy sạch cả, thì có phải trở thành tay không? Có lúc trong rừng cũng có hỏa hoạn, cháy rừng hay động đất sập nhà chết người, nên có chỗ tốt để ở, đời sống nhàn rỗi chỉ là phước báu của nhân thiên mà thôi. Có thể đời trước bố thí, cất chùa, v.v... nên đời này có tiền hơn. Chúng ta tu hành được phước báu siêu thế giới, được vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử luân hồi, ở

những nơi xán lạn của “Đạo” và không còn bị liên hệ với những nơi tối tăm. Phước báu của chúng ta là có thể đến được nơi tốt trong vũ trụ, nơi đó là đất Phật. Trong “Đạo”, phần trắng là cửa Phật, là nơi giải thoát; phần đen là sanh tử luân hồi, bao gồm Thiên Đàng, địa ngục, thiên nhân, phước báu, nhân quả, v.v... Thế giới Ta Bà cũng là một trường học, là nơi để cho chúng sanh học tập, đợi họ học xong và biết được nơi này là đen tối thì mới trở về nơi xán lạn.

Trên thế giới Ta Bà, khi mình đã học xong thì tốt nghiệp ra trường, xa Sư Phụ của mình, và không còn bị la rầy. Làm bác sĩ, luật sư, làm thương gia, chính trị gia hay là tổng thống, bất cứ ngành gì, chức vụ gì thì trước kia họ cũng đã đi học qua. Lúc họ còn ở trường họ cũng rất cực khổ, rất siêng năng trong nhiều năm mới có thể thành kỹ sư, bác sĩ, v.v...

Muốn thành Phật cũng vậy, phải đến thế giới Ta Bà học tập, khi đã thành Phật rồi mới có thể về nơi xán lạn. Cho nên Phật nhập Niết Bàn không phải Ngài đã thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, bởi vì Ngài không có phẩm chất của A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cũng như không có phẩm chất của phàm phu. Đương nhiên nếu Ngài muốn, Ngài cũng vẫn có thể đạt được toàn diện đẳng cấp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhưng một vị Phật lúc còn tại thế đã là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhưng đồng thời cũng không phải là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Tôi đã nói rồi, bởi vì A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề có lực lượng toàn năng bao gồm tốt và xấu, vì Phật tại thế tuy rằng lực lượng gì cũng có, nhưng Ngài chỉ sử dụng lực lượng tốt mà thôi, vì tâm trí và trạng thái của Ngài đều trụ trong lực lượng tốt. Vẫn có thể gọi Ngài là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vì Ngài có uy quyền để cứu người từ nơi đen tối lên nơi sáng sủa, từ địa ngục lên Thiên Đàng. Mà Ngài không phải là A Nậu Đa

La Tam Miệu Tam Bồ Đề vì Ngài hoàn toàn không dùng tới lực lượng xấu của A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Lần trước, tôi cũng đã cho ví dụ là Phật tại thế cũng như sứ giả, chỉ cứu người mà thôi. Còn quốc vương có thể cứu người và giết người, tự thân là pháp luật, có thể sửa đổi pháp luật. Vị sứ giả tuy có uy quyền của quốc vương, cứu người sắp bị tử hình, nhưng không như quốc vương có thể hạ lệnh giết người.

Một vị Phật hay một vị thầy tại thế cũng chỉ cứu người mà thôi. Ngài đạt được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (*đẳng cấp tối cao*), có uy quyền và lực lượng tối cao này, nhưng chỉ dùng phần tốt mà thôi. Tại Ấn Độ, một vị Phật hay Minh Sư tại thế rất được tán thán, không có ngôn ngữ nào để diễn tả hết được.

Trong kinh điển có nói rằng nếu như gặp được một vị Chân Sư hay Phật tại thế là phước báu lớn nhất, vì nếu không gặp được họ thì không có cách nào giải thoát. Tiếng phạn gọi Phật là Buddha, tạm dịch là Phật Đà, ám chỉ một người đại khai ngộ, hay một người đã lão luyện trong trí huệ, biết và hiểu mọi việc.

Ở Trung Hoa có vị “*Lão Tử*”, tên thật của vị đó là Lý Nhĩ, người đời sau đều tôn xưng Ngài là “*Lão Tử*”, bởi vì Ngài là một vị thầy, một linh hồn rất lão thành, cái gì cũng biết. Mọi người đều tôn kính vị thánh nhân này nên mới gọi như vậy và vì người Á Châu đều tôn kính người già. Ở Ấn Độ, nếu một người rất thông minh, có đầy trí huệ sẽ được gọi là “*Huệ Lão*”.

Sư Tổ của tôi khi còn tại thế, có một đệ tử là một “*Huệ Lão*” cho nên đồng tu đều gọi vị đó là Buddha. Ý của họ không phải muốn nói vị đó là Phật, mà xưng tán vị đó là người già có trí huệ, nhưng thật ra vị này còn rất trẻ. Cho nên Buddha không phải chỉ để gọi Phật Thích Ca Mâu Ni mà thôi. Người đắc đạo, đại khai ngộ, được MAHA PRAJNA PARAMITA (*Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa*), người có “*Đại Trí Huệ*” đều là Buddha, tiếng Trung Hoa dịch là Phật Đà, gọi tắt là Phật, Phật tử ngày nay đều tưởng

rằng chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni mới là Phật, vì sao thế? Bởi vì Ngài nổi danh nhất, dù đã trải qua hai ngàn năm.

Thí dụ, khi nhắc đến thánh nhân, chúng ta đều nghĩ đến Lão Tử bởi vì Ngài rất nổi tiếng. Kinh Đạo Đức của Ngài cho đến bây giờ chưa có ai sánh kịp, Ngài có tài viết văn, có thể viết ra thể nghiệm, nên khi chúng ta đọc sách đó liền nghĩ rằng Ngài là thánh nhân độc nhất. Thật ra còn rất nhiều vị đạo gia khác, đẳng cấp cũng không kém Ngài, nhưng có thể họ không thích viết ra, hay không biết viết ra, hoặc không có đệ tử giỏi để truyền pháp môn, nên không nổi danh như Lão Tử.

Thêm một thí dụ nữa, Lục Tổ Huệ Năng là vị thiền sư nổi tiếng nhất tại Trung Hoa, trong hàng tổ của Thiền tông, chỉ có Bồ Đề Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng là có danh, vì sao vậy? Bởi vì hai Ngài có điểm đặc sắc. Bồ Đề Đạt Ma là vị thiền sư đầu tiên đến Trung Hoa, lại khổ tu thiền định trong chín năm. Lục Tổ Huệ Năng lúc chưa xuất gia là một cư sĩ, đến đạo tràng của Ngũ Tổ Hoàng Nhãn học thiền, mỗi ngày giã gạo trong bếp mà mới tám tháng đã lãnh y bát của thầy rồi. Là một người đốn củi không biết chữ, mỗi ngày giã gạo mà trong tám tháng đã có thể kiến tánh thành Phật, thật là kỳ lạ. Chính vì thế mà hai Ngài rất nổi tiếng.

Thiền tông đương nhiên vẫn còn các Tổ khác, như Tổ Huệ Khá, Tăng Xán, Đạo Tín, v.v... nhưng vì họ không có điểm đặc biệt nên ít người biết đến. Bồ Đề Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng vốn chỉ có tiếng ở các nước Á Châu, như Âu Lạc và Trung Hoa mà thôi, nhưng từ khi Phật pháp truyền sang Tây Phương thì các Ngài trở nên nổi tiếng trên thế giới, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng nổi tiếng thế giới, vì Ngài vốn là một hoàng tử mà lại có thể bỏ cả ngai vàng, bỏ vợ con, danh lợi để tu hành khổ cực hơn sáu năm. Một người tuổi còn trẻ mà đã có đạo tâm cao như vậy nên rất nổi danh.

Xưa kia Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ có tiếng ở Ấn Độ thôi, đến khi vua A Dục tin Phật giáo, Phật Thích Ca Mâu Ni mới nổi danh

toàn thế giới, tại sao vậy? Bởi vì lúc đó Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn chỉ được ba trăm năm, vẫn còn là thời chánh pháp, các đệ tử của Ngài còn có thể truyền pháp, chưa bị biến chất. Vua A Dục theo đệ tử của Phật học đạo, đương nhiên được chứng bồ đề và được khai ngộ. Đọc những lời văn, ta biết được Vua A Dục là một người rất khai ngộ, minh tâm kiến tánh. Sau này Vua A Dục đem hết tâm lực làm cho Phật giáo được truyền bá đến nhiều nơi, kể cả phái con và thân nhân đi Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan, v.v... hoằng pháp, cho nên Phật Thích Ca mới được nhiều người trên thế giới biết đến.

Nếu không nhờ Vua A Dục, biết đâu chừng Phật Thích Ca cũng chỉ như các vị đại sư khác tại Ấn Độ, chỉ có tiếng ở Ấn Độ mà thôi. Ở Ấn Độ cũng còn những vị Minh Sư khác như Kabir, Tuisidas, v.v... nhưng chỉ nổi tiếng tại Ấn Độ mà thôi, vì họ không có đệ tử như Vua A Dục. Thật ra các Ngài đều nói đạo lý giống của Phật và cũng như Bồ Đề Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng, không lưu lại nhiều tác phẩm. Phật Thích Ca đã nói nhiều rồi, các Ngài chỉ cần dẫn chứng lời của Phật Thích Ca Mâu Ni, rồi thêm vào một ít bình luận là đủ rồi.

Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp trong bốn mươi năm, Ngài nói từ Thiên Đàng đến địa ngục và thế giới A-tu-la, v.v... đều có cả, người sau chỉ cần dẫn chứng kinh điển của Phật Thích Ca Mâu Ni là đủ. Nhưng nếu chỉ giảng kinh vẫn chưa thể khai ngộ được, vì giảng kinh chỉ là giáo lý, còn phải có pháp môn và sự khổ công tu hành phối hợp mới được. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế cũng vậy, Ngài dạy các đệ tử các phép tu hành, đồng thời cũng dạy họ giáo lý, cần có hai thứ. Khi học y khoa cũng cần một bên đọc sách, một bên thực tập, nếu không thì không thể trở thành bác sĩ giỏi được.

Muốn thành đạo, bắt cần chúng ta tin tôn giáo nào, nếu như chúng ta không hiểu rõ kinh điển, hiểu lầm ý chánh của vị giáo chủ, chúng ta không thể tìm ra Thiên Đàng. Muốn hiểu rõ kinh

điển thì phải tìm Chân Sư, một vị Buddha hay một vị thầy tại thế. Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Nếu như không có Phật lực gia trì, chúng sanh không thể tu thành Phật.”* Ý của Ngài là chỉ Phật tại thế, Chân Sư tại thế, như tôi đã có nói qua, *“Buddha”* là Phật tại thế.

Người Ấn Độ đều hiểu rõ việc đó, vì Ấn Độ đời đời kiếp kiếp là thánh địa, đi đến đâu đều gặp được người tu hành. Nếu viếng thăm Ấn Độ sẽ thấy nơi nào cũng có hòa thượng áo vàng. Bây giờ có người mặc áo trắng nữa vì tông phái khác nhau. Ở Tây Tạng có Bạch giáo, Hoàng giáo, Hồng giáo, v.v... Khi vị giáo chủ của họ mặc áo nào, đệ tử vì tôn kính thầy của họ nên cũng mặc y phục giống như vậy và biến thành tôn phái khác nhau.

Ở Ấn Độ, nơi nào cũng nhìn thấy người xuất gia, họ tượng trưng cho đời sống đơn thuần nhưng cao đẹp, những người có trí huệ. Vì truyền thống tu hành nên người Ấn Độ rất tôn kính một vị Phật tại thế. Nếu chúng ta đọc những sách nói về sự tu hành và tọa thiền của Ấn Độ sẽ biết họ tán thán một vị Phật, Chân Sư tại thế như thế nào. Họ nói: *“Nếu mình muốn lên Thiên Đàng, muốn được gặp Thượng Đế, muốn thành Phật, trở thành chúng sanh cao quý nhất, mà không có sức gia trì của thầy mình thì không thể như ý được.”* Vì sao vậy?

Thí dụ như Ngài A Nan theo hầu Phật Thích Ca Mâu Ni mấy mươi năm, mỗi ngày ở bên cạnh Phật, nghe được nhiều giáo lý, và giáo lý nào của Phật Ngài cũng đều hiểu rõ, đều ghi nhớ, nhưng Ngài vẫn không thể đạt được đại trí huệ, mãi đến khi Phật liã đời, lần đầu tiên tăng chúng tập kết kinh điển, Ngài mới khai ngộ. Làm sao mà Ngài khai ngộ được vậy?

Bởi vì cuối cùng Phật Thích Ca Mâu Ni truyền Pháp Môn Quán Âm cho Ngài nên Ngài mới có thể khai ngộ, còn trước kia thì không thể được, tuy rằng Ngài trang nghiêm nhất, nghe được nhiều nhất và việc gì cũng ghi nhớ hết. Nhờ có A Nan, chúng ta mới đọc được kinh điển lưu truyền từ đời Phật Thích Ca Mâu

Ni và có tài liệu tham khảo. A Nan cũng có thần thông, Ngài có thể bay vào tù ngục để giảng kinh cho hoàng hậu Vi Đề Hy. Một người thông minh, văn chương giỏi, lại có thần thông, tu hành vĩ đại như thế mà vẫn chưa được khai ngộ, vẫn cần phải tu Pháp Môn Quán Âm một thời gian sau mới khai ngộ.

Tại sao tôi nói chỉ có tu Pháp Môn Quán Âm mới có thể khai ngộ? Bởi vì A Nan ngày ngày hầu Phật, có học qua rất nhiều pháp môn như hô hấp, niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm Phật A Di Đà, v.v... kinh điển gì, pháp môn nào cũng biết. Lúc Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, Ngài cũng có ở đó, và cùng Ma Ha Mục Kiền Liên bay vào tù cùng bà hoàng hậu niệm Phật. Nếu chỉ niệm Phật là đủ, sao Ngài không tiếp tục niệm Phật A Di Đà? Sao Ngài không học phương pháp Phật đã dạy trong kinh “*Quán Vô Lượng Thọ*”, quán tưởng Phật A Di Đà? Tại sao còn phải tu Pháp Môn Quán Âm? Bởi vì những pháp môn đó đều không đủ dùng, không đủ tốt, chỉ có Pháp Môn Quán Âm mới là pháp môn tối cứu cánh.

Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bất cứ kinh, chú, pháp môn nào cũng đều có A Nan hiện diện, nêu như những pháp môn đó đã đủ tốt thì Phật cuối cùng đã không còn cần phải dạy A Nan tu Pháp Môn Quán Âm. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, khi hai mươi lăm vị Bồ Tát tự thuật những cách tu hành của họ, Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chỉ tán thán Pháp Môn Quán Âm. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng chỉ tán thán Pháp Môn Quán Âm. Ngài khuyến khích chúng sanh, nếu như muốn thành Phật thì nên tu Pháp Môn Quán Âm. Nếu Phật Thích Ca Mâu Ni không thương tưởng A Nan, chỉ để cho tu những pháp môn thấp thôi thì Ngài A Nan không thể nào khai trí huệ được. Cho nên Phật mới truyền Pháp Môn Quán Âm cho A Nan, để A Nan khai đại ngộ.

Ở Ấn Độ người cầu đạo đều biết là cần phải tìm một vị Chân Sư, đánh lễ vị thầy đó và xin vị thầy đó truyền pháp môn đại trí huệ này thì mới có thể giải thoát. Họ có thể làm bất cứ việc gì

chỉ cần cho thầy họ vui, thương họ và gia trì cho họ, giúp cho họ mở cửa trí huệ, để được giải thoát là đủ rồi. Cho nên họ mới tán thán thầy của họ cao hơn Thượng Đế, cao hơn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thượng Đế thì đẩy họ đến thế giới đen tối này chịu khổ, còn thầy của họ thì giúp họ giải thoát vòng sanh tử luân hồi.

Người Ấn Độ gọi thầy của họ là “*Guru*”, có nghĩa là người trừ đi sự tối tăm, tiếng Trung Hoa gọi là “*Minh Sư*”, những người này có thể giúp cho chúng ta minh bạch, khai ngộ. “*Ngộ*” có hàm ý là minh bạch, nếu như có một vị thầy có thể giúp cho chúng ta khai ngộ thì vị đó tức là Minh Sư, Chân Sư, hay Guru. Bất cứ chúng ta có làm bao nhiêu công đức, phước báu, cất chùa lớn, bố thí tài sản, v.v... đều là vọng ngoại, nếu người thầy không cho chúng ta chìa khóa để chúng ta đi vào, làm sao có thể tu hành? Lực lượng gia trì của Chân Sư chỉ là lòng thương của vị thầy, nếu như không có lực gia trì của vị thầy, chúng ta không có cách nào giải thoát. Dù cất rất nhiều chùa, bố thí cho rất nhiều người nhưng nếu không có Chân Sư dạy cho pháp môn tối cao cũng không làm gì giải thoát được.

Thời xưa tại Ấn Độ, có nhiều người đem hết tài sản trao cho Minh Sư rồi cam chịu nhiều cực khổ, trèo núi lội sông, chịu nhiều khảo nghiệm, làm bất cứ việc gì Chân Sư bảo họ chỉ vì muốn “*cầu*” pháp môn tối cứu cánh này để giải thoát.

Tôn giả Milarepa chịu khổ cực nhân nhục đến bảy năm, mỗi ngày phải chịu khảo nghiệm rất gắt gao, cho đến bị đánh đập, chửi bới vô lý. Mỗi ngày đi cất nhà, cất xong bị có ý phá hoại, bắt cất trở lại, bất cứ Ngài làm điều gì cũng đều bị chê bai. Qua bảy năm sau vị thầy mới truyền pháp cho Ngài. Người tu hành thời xưa có “*đạo tâm*” như vậy mới thành đạt, mới lưu danh đến đời sau, cho nên đến ngày nay chúng ta biết tên các Ngài.

Còn những người mới tu được một ít, rồi ra ngoài phỉ báng tôi, chê bai người khác thì vĩnh viễn chẳng được gì hết. Nếu thầy

của họ có tâm từ bi lo cho họ, dẫn họ đến thế giới A-tu-la để ở cũng đã là quá tốt rồi, còn không họ phải đọa vào địa ngục. Người phi báng thầy đòi đòi kiếp kiếp không tìm được Minh Sư, cả tên cũng không nghe được, nói chi là gặp Minh Sư.

Người thời nay rất khó dạy, vì bây giờ là thời mạt pháp. Có thể là các nước có phong tục, cá tính khác nhau, cho nên ở Ấn Độ, dân vẫn dễ dạy hơn. Ở đó đòi đòi kiếp kiếp là thánh địa tu hành, từ nhỏ người dân đã ăn chay, học kinh điển cho nên đến dạy là họ tiếp nhận ngay. Họ rất khiêm tốn, khát vọng được đắc đạo, và có đạo tâm cao. Cho nên ở Ấn Độ, mỗi lần có vị Thầy hay Minh Sư nào giảng kinh là sau đó có thể truyền pháp cho cả trăm, cả ngàn người, có lần nguyên cả làng, già trẻ lớn bé thật là đẹp mắt. Họ đã chuẩn bị tinh thần hết rồi, như người nông phu đã cày đất, bón phân, chỉ cần gieo giống là cây mọc.

Truyền pháp tại Trung Hoa Dân Quốc, Formosa, Âu Lạc thì hơi khô. Khi Ngài Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa truyền pháp, gặp rất nhiều khó khăn, quay mặt đối tường tọa thiền cực khổ trong chín năm, vậy mà chỉ có năm người đệ tử khá khá. Chúng ta nên biết Ngài rất vĩ đại, đẳng cấp siêu việt, thuyết pháp cao siêu nhưng lại không có bao nhiêu người đến nghe. Lương Võ Đế cũng chỉ chấp vào thiên nhân phước báu nên không thể hiểu thấu được pháp môn tối cao. Tuy Ngài ở trong Thiếu Lâm Tự nhưng chỉ có Huệ Khả và bốn người khác theo học mà không phải đều là người của chùa Thiếu Lâm, Huệ Khả từ nơi khác đến tìm đạo.

Từ điểm đó quý vị có thể nhận thấy rằng dù cho có ở chung với Chân Sư cũng không có lợi ích gì. Người xuất gia của chùa Thiếu Lâm, mỗi ngày đều thấy Ngài tọa thiền khổ cực mà không động tâm chút nào. Đối với họ, kinh điển là đủ rồi. Niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, đọc Kinh Kim Cang, Pháp Hoa, lạy núi, lạy sông, lạy nước, lạy xương, còn Chân Sư ở đâu thì họ không biết, chín năm tọa thiền chỉ có năm đứa học trò. Nếu Ngài ở cùng với những người ở chợ bán cá, bán thịt, người ta

không nhìn ra Chân Sư thì có thể thông cảm được, nhưng người trong chùa mà ít biết đến Ngài mới là chuyện khó hiểu.

Họ cả ngày cứ ôm lấy kinh điển, ăn, ngủ, rồi chết như những chúng sanh khác, bởi vì nơi đó là Trung Hoa, không phải là Ấn Độ nên con người rất khó dạy. Nếu quý vị đọc lịch sử thì quý vị sẽ hiểu là các vị đại sư phần đông đều có liên hệ đến Ấn Độ. Phật Thích Ca Mâu Ni là người Ấn Độ, Giê-su Ki-tô đã từng học pháp ở Ấn Độ và Tây Tạng mười mấy năm, và cũng ở núi Hy Mã Lạp Sơn tu hành một thời gian. Các vị đại sư đều từ ở Ấn Độ ra, còn không thì thầy của họ từ Ấn Độ đến, không nữa thì họ đến Ấn Độ học. Ở Trung Hoa cũng có một vị thiền sư nổi tiếng, Ngài Ngưu Đầu Pháp Dung, học từ một vị tỷ kheo Ấn Độ, sau này tu mới đạt được đẳng cấp cao như vậy.

Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh bốn mươi chín năm, hoàng du Ấn Độ, phá hủy tượng của Ấn Độ giáo mà họ tôn thờ nhất trong thời đó. Ngài hết sức phản đối hình thức lễ bái, mê tín bề ngoài. Mỗi ngày Ngài đều nói người tu hành nên nhận biết mình, nương vào mình, tìm Phật tánh bên trong của mình mới thật đúng là tu hành, lạy hình Phật bên ngoài không thể nào đắc “Đạo”, trừ phi vị ấy còn tại thế thì có sức gia trì.

Tại Formosa, tôi mới bắt đầu truyền pháp không bao lâu thì gần bị sự công kích và phỉ báng. Người tu hành chúng ta nên lương thiện tự tại, không nên công kích phỉ báng người khác mới phải.

Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp tại Ấn Độ, phá trừ sự tôn thờ hình tượng và mê tín của thời đó, dạy người tìm Phật của mình. Khó như vậy mà Ngài vẫn sống an nhàn đến bốn mươi chín năm, sao có thể như vậy được? Bởi vì người Ấn Độ hiền hòa hơn, cởi mở hơn, dù họ không thích cũng nghe thử. Nhiều người tu ngoại đạo sau này trở thành đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Người Ấn Độ dễ dãi hơn, có thể lúc đó họ chưa tìm được Chân Sư nên mới lạy tượng cốt, nhưng khi tìm được Chân Sư rồi,

họ biết nghe, biết tự mình tu hành, cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni sống đến bốn mươi chín năm không bị phương hại. Nhưng còn Ngài Giê-su Ki-tô thì sao? Ngài mới mở miệng có hơn ba năm, liền bị đóng đinh đến chết, vì sao vậy?

Bởi vì chúa Giê-su Ki-tô truyền pháp tại Do Thái, tình trạng ở đó khác với ở Ấn Độ, lòng người và phong tục đều khác biệt. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp, người tin Ấn Độ giáo cũng tôn sùng Ngài là Vishnu, một trong ba vị thần được tôn thờ nhất của Ấn Độ giáo (*ba vị thần là: Shiva, Vishnu, Phạm Thiên*). Tại Ấn Độ, Vishnu đại biểu cho địa vị tối cao, là vị thần rất cao, hay Thượng Đế. Lúc Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp, họ cũng gọi Ngài là Phật, tuy Ngài thuyết khác với những gì họ hiểu; nhưng họ tin Phật Thích Ca Mâu Ni là hóa thân của Vishnu, đến thế giới Ta Bà để dạy họ, cho nên họ rất tôn kính Ngài.

Khi Chúa Giê-su Ki-tô truyền Pháp, Ngài cũng có nói rằng Ngài không dạy giáo lý mới, giáo lý của Ngài giống như thời xưa, chỉ giảng cho kinh điển của thời xưa rõ ràng thêm mà thôi. Ngài nói Ngài là công cụ của Thượng Đế, được phái đến đây để truyền pháp, nhưng người Do Thái đóng đinh Ngài trên thập tự giá, vì cho rằng Ngài cuồng vọng, kiêu ngạo.

Phật Thích Ca Mâu Ni tuy truyền một thứ pháp như Giê-su Ki-tô, nói cùng một Chân Lý, nhưng một người sống được bốn mươi chín năm và một người chỉ sống được hơn ba năm mà thôi, thật là thảm thương. Vì sao vậy, bởi vì phong tục và lòng người khác nhau. Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp được cho nhiều người, còn Bồ Đề Đạt Ma, Giê-su Ki-tô, Mật Hãn Mật Đức không thể truyền cho một số người nhiều như vậy được vì tình trạng và hoàn cảnh sống của họ khác nhau.

Phật giáo khi truyền đến Tây Tạng biến thể thành Lạt Ma giáo, một số tông phái chủ trương có thể ăn thịt uống rượu, kết hôn. Chúng ta không thể nói người Tây Tạng tin Phật giáo, phải nói là Lạt Ma giáo mới đúng, Phật giáo truyền đến Nhật Bản cũng

biến chất, trà trộn vào tinh thần võ sĩ đạo, nên chúng ta không thể nói Nhật Bản giáo là Phật giáo. Tăng sĩ ở Nhật được ăn thịt cá, uống rượu, kết hôn, v.v...

Tăng sĩ Phật giáo vốn không thể làm như vậy, nhưng khi truyền đến các nước khác đều biến chất, thành Lạt Ma giáo, “*Samurai*” giáo. “*Samurai*” quý vị có biết không? Qua những việc làm của họ đương nhiên không phải là Phật giáo chân chánh. Phật giáo tại Ấn Độ vốn rất đơn thuần, rất lương thiện, không có những chuyện ăn thịt, uống rượu, giết người, v.v... Nếu Phật Thích Ca Mâu Ni đến Nhật Bản hay các nước khác truyền pháp, cũng không thể mau và dễ dàng như vậy, chưa chắc gì đã sống được bốn mươi chín năm. Phong thổ, lòng người đều khác biệt, nếu không phối hợp tình trạng của địa phương thì không thể tồn tại được.

Nếu chỉ có một mình tôi, tôi không cần tụng kinh tán Phật, mặc áo người xuất gia, nhưng bởi vì truyền pháp tại Trung Hoa, quý vị thích như vậy, cho nên tôi cũng hăng thuận chúng sanh, nếu không, quý vị nhìn không thuận ý sẽ không chịu học. Bên ngoài bên trong đều phải cải biến, phải ăn cơm, học tiếng, và mặc y phục theo phong tục Trung Hoa, v.v... Nếu bây giờ tôi nói chuyện Ấn Độ hay Âu Lạc, học trò liền có ý kiến rằng, tôi hay nói chuyện nước ngoài, không nói chuyện Trung Hoa, cho dù có nói chuyện Quan Công, cũng là Quan Công của Âu Lạc. *(Mọi người cười.)*

(Có người nói: “Con không cảm thấy Sư Phụ là người Âu Lạc, mà là người Trung Hoa.”) Tôi mặc áo Trung Hoa, ăn cơm, hoàn toàn sống như người Trung Hoa, mục đích là để giúp đỡ người Trung Hoa, cho nên bên ngoài có sửa đổi một chút cũng không sao.

Nhưng giáo lý của tôi khác với Phật giáo Trung Hoa. Lúc truyền Pháp, lực lượng đó không phải là lực lượng của Trung Quốc *(mọi người cười)*, mà là lực lượng của Phật, lực lượng của

Thượng Đế. Tôi có dạy quý vị niệm Phật cũng khác với những gì người Trung Hoa đang dạy, nên họ gọi tôi là ngoại đạo, bởi vì họ không hiểu biết. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, không chỉ dạy người niệm Phật mà thôi, đôi khi Ngài cũng dạy người ta niệm quét nhà, đó cũng coi như là một pháp môn tạm thời. Vậy mà khi tôi dạy người ta niệm Hồng Danh, lại không phải là một pháp môn hay sao? Sao lại có thể biến thành ngoại đạo mau như vậy? *(Mọi người cười.)*

Những người không thấy rõ sự thật, mở miệng là công kích người khác và cũng không muốn học pháp môn tối cao này. Nhưng tôi vẫn không nhẫn tâm nên vẫn truyền pháp cho họ. Vì tôi hành Bồ Tát Đạo, đối với chúng sanh không có tâm phân biệt. Nhưng họ ăn thịt quá nhiều, phước báu quá ít, không thể theo tôi tu học, không thể lạy Phật tại thế làm thầy. Pháp này có rất nhiều người tu, chỉ riêng ở Ấn Độ đã có mấy chục vạn người, mà không nghe có ai bị phi báng gì, nhưng khi truyền đến Âu Mỹ liền bị công kích, thật là mệt. Tôi ở Formosa dạy chưa được bao nhiêu người đã bị công kích, phi báng.

Bởi vì đây không phải là Ấn Độ, người biết Chân Lý rất ít, cộng thêm nghiệp quả nặng. Có lẽ nghiệp chướng của quý vị nhẹ hơn, nhưng vì ở chung với đồng bào trong nước nên phải bị liên hệ với cộng nghiệp của nước nhà. Tuy rằng họ ăn thịt, mình không ăn, nhưng chúng ta ở đây không thể tránh khỏi, vì chúng ta cần đến những người ăn thịt, uống rượu, đắp cát nhà, đắp đường, trồng lúa, trồng rau cho chúng ta ăn. Chấn động lực của họ sẽ ảnh hưởng đến rau, đường xá, núi, nước, điện, nhà cửa chúng ta, v.v...

Trong tiệm ăn chay cũng có những người ăn mặn và một bên uống rượu, hút thuốc, một bên nấu đồ chay cho chúng ta ăn. Có người một bên nấu đồ mặn, một bên nấu đồ ăn chay cùng một lúc, có lúc quên trộn lẫn với nhau thành đồ mặn hết. Có người mở tiệm chay, nhưng làm ăn ế ẩm nên nấu thêm đồ mặn nữa. Họ cho rằng người tu hành không nên chấp nhất, nên tiệm chay biến

thành tiệm mận cũng không sao, chỉ cần kiếm ra tiền là được.
(*Mọi người cười.*)

Nếu chúng ta tu hành không nỗ lực, không tiến bộ, sẽ bị thế giới này ô nhiễm. Cộng nghiệp của thế giới này rất lớn, toàn cõi đâu có bao nhiêu người tu hành? Đâu có bao nhiêu người đến nghe kinh? Đa số còn không muốn đến nghe kinh, nói chi ăn thuần chay tọa thiền, còn số người đi nghe kinh bao giờ cũng ít hơn số người đi nhảy đầm hay nghe hát. Có quảng cáo trên tivi đi nữa, cũng không có bao nhiêu người đi xem chương trình giảng kinh, nhưng nếu có minh tinh Hollywood, minh tinh điện ảnh sẽ có rất đông người chen chúc đi coi, bên coi, bên ăn hamburger, họ nghĩ phải y như người Âu Mỹ mới gọi là theo kịp thời đại!!!

Giới trẻ thời nay thích nghe nhạc, không thể tọa thiền, tại sao vậy? Bởi vì họ quen nhảy nhót như vượn (*mọi người cười*), như vậy làm sao mà tu? Vì ít người tu nên cộng nghiệp mới lớn, người tu hành chúng ta mới bị ảnh hưởng nhiều.

Thuyết pháp ở đây không phải là chuyện dễ, ở Ấn Độ dễ giảng hơn. Tuy rằng khí hậu ở đó rất nóng, nhưng tâm của họ nguội, nên Phật Thích Ca Mâu Ni mới trường thọ, còn chúa Giê-su Ki-tô thì lại chết sớm. Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc truyền pháp cũng không dễ. Lục Tổ Huệ Năng truyền pháp tại miền nam Trung Hoa cũng không dễ dàng, bây giờ Ngài được nổi tiếng là nhờ đã để lại quyển Lục Tổ Đàn Kinh, nếu không chúng ta cũng không biết Ngài là ai, vì chỉ có một nhóm nhỏ tôn bái Ngài mà thôi.

Nhóm người đó tọa thiền có được thể nghiệm, biết được lực lượng của Lục Tổ Huệ Năng nên mới sùng bái Ngài, nếu không sao lại tôn thờ Ngài? Nếu chỉ cảm y bát là có thể chứng minh trình độ của mình, thì người nào đánh cắp y bát là thành sư tổ rồi. Cho nên họ nhất định phải biết được lực lượng bất khả tư nghị của Lục tổ Huệ Năng thì mới sùng bái. Lúc đó cũng có rất nhiều người phỉ báng Ngài, đệ tử của Thần Tú tại Bắc phương dùng

mọi cách để nói xấu Ngài, gọi Ngài là ngoại đạo. Thật ra Thần Tú cũng thọ pháp từ Ngũ Tổ, cùng học một thầy, một giáo lý, một pháp môn mà phê bình là ngoại đạo, tại sao?

Bởi vì đó là ở Trung Hoa, không phải ở Ấn Độ, không những chỉ ở Trung Hoa, muốn thuyết pháp ở Âu Lạc cũng không dễ đâu. Nhưng ở Âu Lạc có rất nhiều người tu hành, họ cởi mở hơn, có nhiều Phật tử đến nhà thờ và cũng có nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo đến chùa.

Khi tôi còn ở Đức, được mời làm trụ trì ở một chùa nhỏ, tôi mới ở đó có mấy tháng thôi, quý vị đã liên miên gọi điện thoại hối thúc tôi mau trở lại Formosa. Lúc đó ở Đức có tổ chức pháp hội nào, tín đồ Thiên Chúa giáo cũng có đến dự, khi nhà thờ tổ chức pháp hội, Phật tử cũng ghé đến. Mọi người ăn uống vui cười với nhau. Nhưng tôi nhận thấy họ không có tinh thần khao khát tu hành, cho nên mới rời khỏi. Chứ không phải bởi vì quý vị gọi thỉnh tôi, một phần là bởi vì thấy họ rất khó dạy, cho nên tôi mới đến đây. Bởi thế dạy người không phải dễ dàng đâu, dạy người ở Ấn Độ thì tôi thấy dễ dàng hơn.





Quý vị tin vào vị giáo chủ nào cũng không thành vấn đề, nhưng cần phải tin tưởng vào bản thân, tìm thấy Bản Lai Diện Mục của chính mình. Đó mới là điều quan trọng nhất.

Trích từ bài thuyết giảng "Thế Nào Là Tín Đồ Phật Giáo?"

